

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN HỒNG QUÂN

**VAI TRÒ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN
TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÌNH SỰ**
(Trên cơ sở thực tiễn địa bàn tỉnh Hưng Yên)

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN HỒNG QUÂN

**VAI TRÒ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN
TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÌNH SỰ
(Trên cơ sở thực tiễn địa bàn tỉnh Hưng Yên)**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS.TS NGUYỄN NGỌC CHÍ

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn !

NGƯỜI CAM ĐOAN

Nguyễn Hồng Quân

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các từ viết tắt	
Danh mục các bảng	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ	8
TRA VIÊN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ	8
1.1. Khái niệm Điều tra viên trong tổ tụng hình sự	8
1.2. Khái niệm vai trò của Điều tra viên trong giải quyết VAHS	12
1.2.1. Vị trí của Điều tra viên trong tổ tụng hình sự	12
1.2.2. Nhiệm vụ của Điều tra viên trong tổ tụng hình sự.....	14
1.2.3. Mối quan hệ giữa Điều tra viên với những người tiến hành tổ tụng khác trong tổ tụng hình sự	18
1.3. Vai trò của Điều tra viên trong luật tổ tụng hình sự một số nước trên thế giới	24
1.3.1. Vai trò của ĐTV trong Luật TTHS của Cộng hòa liên bang Đức.....	24
1.3.2. Vai trò của ĐTV trong Luật TTHS của Cộng hòa Pháp.....	26
1.3.3. Vai trò của ĐTV trong Luật TTHS của Liên bang Nga	27
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN VỀ VAI TRÒ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÌNH SỰ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN	30
2.1. Quy định của pháp luật về vai trò của Điều tra viên trong giải quyết vụ án hình sự	30
2.1.1. Quy định của pháp luật về vai trò của Điều tra viên từ năm 1945 đến trước năm 1988.....	30

2.1.2.	Quy định của pháp luật về vai trò của Điều tra viên từ năm 1988 đến trước năm 2003.....	34
2.1.3.	Quy định của pháp luật về vai trò của Điều tra viên từ năm 2003 đến năm 2015	35
2.2.	Thực tiễn hoạt động của Điều tra viên trong giải quyết vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	59
2.2.1.	Một số khái quát về Cơ quan điều tra và Điều tra viên thuộc Công an tỉnh Hưng Yên	59
2.2.2.	Tình hình thực hiện nhiệm vụ của ĐTV trong giải quyết VAHS của Cơ quan CSĐT tỉnh Hưng Yên	64
2.2.3.	Những hạn chế và nguyên nhân.....	71
 Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÌNH SỰ		
		75
3.1.	Hoàn thiện luật tố tụng hình sự về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Điều tra viên	75
3.1.1.	Sửa đổi, bổ sung Điều 36, Bộ luật TTHS năm 2015	76
3.1.2.	Sửa đổi, bổ sung Điều 37, Bộ luật TTHS năm 2015	78
3.1.3.	Sửa đổi, bổ sung Điều 51, Bộ luật TTHS năm 2015	79
3.2.	Các giải pháp nâng cao vai trò của Điều tra viên trong giải quyết vụ án hình sự.....	82
3.2.1.	Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp nói chung và công tác điều tra giải quyết VAHS nói riêng.....	82
3.2.2.	Tăng cường sự phối hợp giữa CQĐT và VKS, giữa ĐTV và KSV trong giai đoạn điều tra VAHS	84
3.2.3.	Thực hiện chính sách luân chuyển ĐTV, bố trí đầy đủ số lượng ĐTV tại Cơ quan CSĐT cấp huyện và bổ nhiệm ĐTV cho Trưởng, Phó Trưởng Công an phường	85
3.2.4.	Bảo đảm kinh phí, tăng cường cơ sở vật chất và các trang thiết bị cho CQĐT và ĐTV.....	86

3.2.5.	Đổi mới, nâng cao chất lượng quản lý, sử dụng ĐTV cũng như có chế độ, chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với họ	87
3.2.6.	Xây dựng cơ chế bảo đảm sự độc lập, chỉ tuân theo pháp luật của ĐTV trong giải quyết VAHS.....	89
3.2.7.	Nâng cao chất lượng, trình độ đội ngũ Điều tra viên, tuyển chọn đúng người để đào tạo Điều tra viên.....	90
KẾT LUẬN		92
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ		93
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....		94

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tiếng việt
CAND:	Công an nhân dân
CQĐT:	Cơ quan điều tra
CSĐT:	Cảnh sát điều tra
ĐTTS:	Điều tra hình sự
ĐTV:	Điều tra viên
KSV:	Kiểm sát viên
TTHS:	Tổ tụng hình sự
VAHS:	Vụ án hình sự
VKS:	Viện kiểm sát

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu	Tên bảng	Trang
<i>Bảng 2.1.</i>	Số lượng ĐTV trong Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Hưng Yên từ năm 2011 đến năm 2015	60
<i>Bảng 2.2.</i>	Ngạch bậc của ĐTV trong Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Hưng Yên từ năm 2011 đến năm 2015	62
<i>Bảng 2.3.</i>	Trình độ của ĐTV trong Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Hưng Yên từ năm 2011 đến năm 2015	63
<i>Bảng 2.4.</i>	Tình hình số vụ án khởi tố của Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Hưng Yên từ năm 2011 đến năm 2015	65
<i>Bảng 2.5.</i>	Tình hình số vụ án điều tra lại, điều tra bổ sung của Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Hưng Yên từ năm 2011 đến năm 2015	66
<i>Bảng 2.6.</i>	Tình hình căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Hưng Yên từ năm 2011 đến năm 2015	67

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Cơ quan điều tra là cơ quan tiến hành TTHS có vai trò quyết định trong việc làm rõ sự thật khách quan vụ án, làm cơ sở cho quá trình giải quyết vụ án nhanh chóng, công bằng, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế đồng thời bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Nghị quyết số 49 - NQ/TW, ngày 02 - 06 - 2005 của Bộ Chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” đưa ra những định hướng cho việc cải cách đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong đó có Cơ quan điều tra với mục tiêu *“xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”* [8, tr.2] và xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp theo hướng *“đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hóa tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ; tiến tới thực hiện chế độ thi tuyển đối với một số chức danh”* [8, tr.3]. Trên cơ sở định hướng này, pháp luật đã quy định vai trò của ĐTV đã tạo hành lang pháp lý cho hoạt động của ĐTV trong TTHS. Hoạt động của các Cơ quan tiến hành TTHS những năm gần đây đã có những kết quả khả quan góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.... Tuy nhiên, thực tiễn cũng chỉ ra những hạn chế của các Cơ quan tiến hành TTHS cần phải khắc phục như: Tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động của CQĐT còn bất hợp lý, vừa phân tán, chồng chéo lại có những khoảng trống trong đấu tranh xử lý tội phạm ở một số lĩnh vực; Chức năng của các CQĐT, VKS còn chưa được phân

định rõ ràng, chông chéo nên hiệu quả giải quyết VAHS của các Cơ quan tiến hành TTHS chưa cao làm hạn chế vai trò của ĐTV trong hoạt động TTHS; Hiệu quả hoạt động điều tra chưa đáp ứng được đòi hỏi của yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm và phát triển kinh tế - xã hội; Tỷ lệ án bị VKS và Tòa án yêu cầu điều tra lại, điều tra bổ sung còn cao; hiện tượng vi phạm pháp luật, vi phạm qui trình điều tra của ĐTV có chiều hướng phức tạp, gia tăng; Vẫn còn để xảy ra tình trạng án oan, sai, bỏ lọt tội phạm làm ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của pháp luật và xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân; Đội ngũ ĐTV còn thiếu, trình độ nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị của một bộ phận ĐTV còn có hạn chế, sa sút về phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp....

Những hạn chế nêu trên do các nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan; nguyên nhân do qui định của pháp luật về ĐTV và hoạt động của ĐTV trong TTHS còn bất cập, chưa phù hợp với thực tế điều tra; nguyên nhân về cách thức tổ chức điều tra trong quá trình tố tụng giải quyết VAHS... Trong số các nguyên nhân này thì qui định của pháp luật về vai trò của ĐTV trong quá trình giải quyết vụ án hình sự còn chưa rõ ràng, cụ thể. Mặt khác, theo quy định của pháp luật TTHS thì ĐTV có quyền tiến hành các biện pháp điều tra do pháp luật TTHS quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động điều tra của mình, nhưng trong thực tiễn công tác điều tra giải quyết VAHS thì ĐTV chưa thật sự độc lập, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình, mà còn phụ thuộc nhiều vào sự chỉ đạo của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT. Đội ngũ ĐTV một số năng lực, trình độ, kinh nghiệm tổ chức điều tra VAHS còn hạn chế, ý thức, trách nhiệm chưa cao, có trường hợp vi phạm pháp luật phải xử lý hình sự.

Trước yêu cầu cải cách tư pháp, theo định hướng xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh; bảo đảm quyền con người; dân chủ trong hoạt động tố

tụng; phân định rõ ràng chức năng thẩm quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó có CQĐT, tổ chức CQĐT có cơ cấu hợp lý theo hướng thu gọn đầu mối ... như Nghị quyết số 49 - NQ/TW, ngày 02 - 06 - 2005 của Bộ Chính trị đề ra cần phải nâng cao vị thế, vai trò của Điều tra viên.

Vì vậy, để góp phần làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn cho việc xác định vị trí, vai trò, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Điều tra viên trong TTHS cũng như việc đảm bảo các điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động của Điều tra viên trong giải quyết VAHS, Học viên chọn đề tài: ***“Vai trò của Điều tra viên trong giải quyết vụ án hình sự (Trên cơ sở thực tiễn địa bàn tỉnh Hưng Yên)”*** làm đề tài nghiên cứu Luận văn Thạc sĩ của mình

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Vấn đề lý luận về vai trò, địa vị pháp lý của ĐTV theo quy định của pháp luật TTHS trong giai đoạn khởi tố, điều tra VAHS trước yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay đang là một vấn đề cấp bách và được rất nhiều nhà khoa học, cán bộ nghiên cứu, giảng dạy đề cập tới như PGS.TS Lê Ngọc An, *“Nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ Điều tra viên của Cơ quan An ninh điều tra đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp”*; Th.s Nguyễn Việt Hà, *“Nâng cao hiệu quả hoạt động của Điều tra viên đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp”*; Th.s Trần Quốc Hùng, *“Nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng Điều tra viên”*. Có nhiều đề tài Luận văn của các học viên khóa trước cũng nghiên cứu về *Người tiến hành tố tụng trong Cơ quan điều tra, Địa vị pháp lý của Điều tra viên trong pháp luật tố tụng hình sự*. Bên cạnh đó cũng có những giáo trình Luật tố tụng hình sự của trường Học viện Cảnh sát nhân dân, trường Đại học Luật Hà Nội, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội... đều có những chương riêng hoặc nội dung viết về Điều tra viên trong Cơ quan điều tra. Một số sách chuyên khảo, bài báo, công trình nghiên cứu khoa học của một số tác giả đã tiếp cận, đề cập đến. Có thể kể đến một số công trình sau: GS.TS.

Nguyễn Ngọc Anh, “*Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan điều tra trong Công an nhân dân theo tiến trình cải cách tư pháp*” (sách chuyên khảo). GS.TSKH. Lê Cẩm “*Các yếu tố bảo đảm cho hoạt động của hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*”. TS. Nguyễn Duy Giảng, “*Một số đề xuất hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về Cơ quan điều tra và những người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan điều tra*”...

Qua khảo sát trên cho thấy, có một số công trình đã nghiên cứu cơ bản về CQĐT, về người tiến hành tố tụng trong CQĐT, nghiên cứu về ĐTV trong TTHS hoặc đã liên quan đến vai trò của ĐTV trong giải quyết VAHS. Tuy nhiên, những công trình này mới thể hiện ở những khía cạnh đơn lẻ về vai trò của ĐTV trong TTHS, cũng như tính thời sự của vấn đề, đồng thời chưa có công trình nào nghiên cứu vai trò của ĐTV trong TTHS ở một tỉnh thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng là tỉnh Hưng Yên. Chính vì vậy, một lần nữa cho phép khẳng định việc nghiên cứu đề tài: “*Vai trò của Điều tra viên trong giải quyết vụ án hình sự (Trên cơ sở thực tiễn địa bàn tỉnh Hưng Yên)*” là đòi hỏi khách quan, cấp thiết, vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn và không trùng lặp với các công trình khoa học đã công bố trong thời gian qua.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu: Trên cơ sở nghiên cứu một số vấn đề lý luận về công tác điều tra tội phạm và vai trò của ĐTV, các quy định của pháp luật TTHS về nhiệm vụ, quyền hạn của ĐTV trong quá trình giải quyết VAHS và thực tiễn hoạt động điều tra tội phạm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên để tìm hiểu vai trò thực tế trong quá trình giải quyết VAHS của ĐTV. Từ đó làm rõ những vấn đề còn bất cập và đưa ra những giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của ĐTV trong giải quyết VAHS.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu: Để đạt được mục đích nêu trên, Luận văn đặt ra và giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Làm rõ những vấn đề lý luận về điều tra VAHS; địa vị pháp lý, vai trò, quyền hạn, trách nhiệm của ĐTV nói chung, ĐTV trong CQĐT thuộc CAND nói riêng; xác định mối quan hệ của họ với Thủ trưởng CQĐT và KSV thuộc Viện kiểm sát.

- Khái quát sự hình thành, thay đổi và phát triển về những quy định đối với ĐTV trong lịch sử luật TTHS Việt Nam từ năm 1945 đến nay để đưa ra nhận xét, đánh giá.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng, hiệu quả hoạt động của ĐTV thuộc Cơ quan CSĐT tỉnh Hưng Yên chỉ ra những ưu điểm, tồn tại, hạn chế của họ còn mắc phải trong quá trình điều tra VAHS và những nguyên nhân.

- Đề xuất những định hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật TTHS về ĐTV và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, vai trò, trách nhiệm, trình độ, năng lực, đạo đức nghề nghiệp của ĐTV trong điều tra giải quyết VAHS.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu lý luận về điều tra VAHS, ĐTV trong Bộ luật TTHS Việt Nam, Pháp lệnh tổ chức ĐTHS, Luật tổ chức Cơ quan ĐTHS, các văn bản pháp luật có liên quan và thực tiễn hoạt động của ĐTV thuộc Cơ quan CSĐT tỉnh Hưng Yên trong điều tra giải quyết VAHS.

4.2. Phạm vi nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ĐTV theo quy định của pháp luật TTHS trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn công tác điều tra giải quyết VAHS của ĐTV thuộc Cơ quan CSĐT tỉnh Hưng Yên từ năm 2011 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của Triết học Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; những quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước về TTHS, về đấu tranh phòng, chống tội phạm và

quy định của Bộ Công an về điều tra VAHS, về vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ĐTV trong điều tra VAHS.

Trong quá trình nghiên cứu luận văn, Học viên sử dụng các phương pháp cụ thể và đặc thù của khoa học luật TTHS như: phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, nghiên cứu thực tiễn, nghiên cứu điển hình, trao đổi khoa học; phương pháp diễn dịch, phương pháp quy nạp, phỏng vấn và những thành tựu của các khoa học: luật hình sự, luật TTHS, ĐTHS.

6. Những đóng góp mới về khoa học của luận văn

- Xây dựng nên khái niệm ĐTV, khái niệm vai trò của ĐTV trong điều tra VAHS, chỉ rõ ra nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của ĐTV trong quá trình giải quyết VAHS. Qua đó so sánh về sự khác nhau giữa ĐTV trong CQĐT ở một số nước có hệ thống luật khác với Nhà nước ta, tìm được ưu điểm, khuyết điểm để rút ra bài học kinh nghiệm.

- Nghiên cứu tổng hợp những thay đổi trong quy định của pháp luật TTHS Việt Nam từ năm 1945 đến nay về ĐTV nói chung, ĐTV trong CQĐT thuộc CAND nói riêng.

- Nghiên cứu đề xuất những định hướng, giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật về ĐTV nói chung, ĐTV trong CQĐT thuộc CAND nói riêng.

7. Ý nghĩa về lý luận và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

Là công trình nghiên cứu tương đối có hệ thống nên kết quả nghiên cứu của đề tài có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

- *Về lý luận:* Luận văn góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về điều tra VAHS, về vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ĐTV trong Bộ luật TTHS, Luật tổ chức Cơ quan ĐTHS, đảm bảo ĐTV có một vị trí xứng đáng trong TTHS. Từ đó có những quy định về năng lực, trình độ, phẩm chất, chế độ, chính sách đãi ngộ, tạo điều kiện cho ĐTV hoàn thành tốt nhiệm vụ giải quyết VAHS trong tình hình hiện nay.

- *Về thực tiễn*: Luận văn là tài liệu tham khảo để các đơn vị chức năng của CQĐT trong CAND nói chung, Cơ quan CSĐT tỉnh Hưng Yên nói riêng thấy rõ được vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ĐTV trong giải quyết VAHS; nhất là các định hướng, đề xuất, giải pháp giúp CQĐT trong CAND nói chung, Cơ quan CSĐT tỉnh Hưng Yên nói riêng khắc phục những tồn tại, yếu kém, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của ĐTV trong điều tra giải quyết VAHS.

Với ý nghĩa như vậy, luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ cho nghiên cứu, tập huấn, giảng dạy của ngành Công an về công tác điều tra VAHS; là tài liệu tham khảo bổ ích cho các nhà khoa học nghiên cứu về địa vị pháp lý của ĐTV trong hoạt động TTHS; là tài liệu tham khảo trong việc xây dựng, sửa đổi Bộ luật TTHS.

8. Cấu trúc của đề tài luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương, cụ thể:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về vai trò của Điều tra viên trong tố tụng hình sự.

Chương 2: Pháp luật và thực tiễn về vai trò của Điều tra viên trong tố tụng hình sự.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật và một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Điều tra viên trong giải quyết vụ án hình sự.

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ
CỦA ĐIỀU TRA VIÊN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm Điều tra viên trong tổ tụng hình sự

Cơ quan điều tra là một bộ phận quan trọng của bộ máy các cơ quan tư pháp, là chủ thể tiến hành TTHS có chức năng điều tra là rõ mọi tình tiết liên quan đến VAHS. Trên cơ sở chức năng của mình, CQĐT được pháp luật quy định những nhiệm vụ cụ thể, đó là: “*chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng, xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội*” [37, tr.9] góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giáo dục công dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và tôn trọng quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ đó được cụ thể hóa tại Điều 3, Pháp lệnh Tổ chức ĐTHS:

Cơ quan điều tra tiến hành điều tra tất cả các tội phạm, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật TTHS quy định để xác định tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố; tìm ra nguyên nhân, điều kiện phạm tội và yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa [39, tr.11].

Như vậy, CQĐT có nhiệm vụ sau đây: *Thứ nhất*, tiến hành điều tra tất cả các tội phạm thuộc thẩm quyền được giao, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật TTHS quy định để xác định tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ đề nghị truy tố. Bất kỳ tội phạm nào xảy ra CQĐT phải tiến hành điều tra, không kể tội phạm đó được thực hiện dưới hình thức gì (đơn lẻ hay đồng phạm), ở giai đoạn nào (chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt hay

tội phạm hoàn thành). *Thứ hai*, khi tiến hành điều tra VAHS, CQĐT có nhiệm vụ tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục ngăn ngừa. *Thứ ba*, CQĐT có nhiệm vụ tiếp nhận và tiếp tục điều tra theo thẩm quyền những VAHS do các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong CAND và trong Quân đội nhân dân, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển chuyển sang theo quy định của pháp luật TTHS.

Nhiệm vụ của CQĐT rất quan trọng và nặng nề. Việc xác định rõ nhiệm vụ của CQĐT một cách toàn diện mới phản ánh được đúng thực trạng công việc mà CQĐT đang phải tiến hành và mới thấy được vai trò của CQĐT trong hoạt động TTHS. Những nhiệm vụ của CQĐT được thực hiện thông qua những người tiến hành tố tụng trong CQĐT là: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT và ĐTV, trong đó ĐTV giữ vai trò quan trọng, chủ yếu tiến hành các hoạt động điều tra.

Điều tra viên là chức danh pháp lý trong TTHS, tuy nhiên ở mỗi mô hình TTHS thì vị trí, vai trò nhiệm vụ, quyền hạn của họ lại khác nhau, phụ thuộc vào mối tương quan với những người tiến hành tố tụng khác trong TTHS. Ở những nước có mô hình TTHS tranh tụng vai trò của ĐTV phụ thuộc và bị chi phối bởi công tố viên, họ chỉ được tiến hành những hoạt động theo sự phân công của công tố viên. Ngược lại, ở mô hình TTHS thẩm vấn, ĐTV có vai trò độc lập hơn trong việc thực hiện chức năng điều tra, có quyền hạn để tiến hành các hoạt động điều tra theo qui định của pháp luật và có cả những quyền kiến nghị đối với các quyết định của công tố viên trong quá trình giải quyết VAHS.

Ở nước ta, chức danh ĐTV xuất hiện lần đầu tiên trong Bộ luật TTHS năm 1988; trước đó, không có tên gọi có tính chất pháp lý, cho nên người thực hiện nhiệm vụ điều tra chỉ được gọi là cán bộ Công an, cán bộ chấp pháp hoặc

cán bộ điều tra. Chính vì tên gọi như trên cho nên hoạt động điều tra giải quyết VAHS “*có thể do bất kỳ người nào trong cơ quan Công an, hoặc cơ quan chấp pháp tiến hành mà không cần có danh nghĩa pháp lý*” [29, tr.21]. Quy định đó không đảm bảo chuyên môn hóa trong hoạt động điều tra, chưa phân định rạch ròi giữa người làm nhiệm vụ điều tra với cán bộ trinh sát trong cơ quan Công an, làm ảnh hưởng đến chất lượng điều tra, việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ làm công tác điều tra giải quyết VAHS. Khắc phục nhược điểm này, Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 và Pháp lệnh tổ chức ĐTHS năm 1989 đã quy định chức danh pháp lý cho người làm nhiệm vụ điều tra giải quyết VAHS với chức danh “Điều tra viên” để chỉ người trong biên chế CQĐT, có nhiệm vụ tiến hành hoạt động điều tra. Theo Pháp lệnh tổ chức ĐTHS năm 2004 thì “*Điều tra viên là người được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật để làm nhiệm vụ điều tra vụ án hình sự*” [39, Điều 29, tr.39]. Như vậy, ĐTV là người tiến hành tố tụng, được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT nhằm điều tra, giải quyết VAHS.

Theo tiếng Hán thì “viên” có nghĩa là “người”. Theo Từ điển tiếng Việt thì “*điều tra là tìm hỏi, xem xét để biết rõ sự thật*” [46, tr.266]. Theo đó, “Điều tra viên” có nghĩa là người điều tra làm rõ sự thật của vụ án. Theo Từ điển Bách khoa CAND năm 2005 thì “*Điều tra viên là một chức danh nhà nước để chỉ cán bộ làm trong CQĐT, có nhiệm vụ tiến hành các biện pháp điều tra do Luật TTHS quy định và phải chịu trách nhiệm về những hoạt động điều tra của mình*” [51, tr.459].

Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam của các cơ sở đào tạo luật ở nước ta cũng đưa ra khái niệm ĐTV với những cách tiếp cận, góc nhìn và mức độ rộng, hẹp khác nhau. Giáo trình Luật TTHS Việt Nam của Trường đại học Luật Hà Nội đưa ra định nghĩa khá cô đọng về ĐTV, theo đó thì “*Điều*

tra viên là người trực tiếp tiến hành các hoạt động điều tra trong tố tụng hình sự” [50, tr.43]. Giáo trình Luật TTHS Việt Nam dành cho hệ Đào tạo sau đại học của Học viện Cảnh sát nhân dân đưa ra khái niệm ĐTV như sau:

Điều tra viên là người tiến hành tố tụng thực hiện nhiệm vụ được phân công của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT trong giai đoạn khởi tố, điều tra VAHS nhằm thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm có xảy ra hay không, ai là người thực hiện tội phạm và những tình tiết khác của vụ án [30, tr.169].

Giáo trình Luật TTHS Việt Nam của Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội đưa ra định nghĩa về ĐTV khá đầy đủ, làm nổi bật vị trí, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn cũng như mối quan hệ khi tiến hành tố tụng giải quyết VAHS. Định nghĩa nêu:

Điều tra viên là người tiến hành tố tụng trong CQĐT, được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm và được Thủ trưởng CQĐT phân công thụ lý vụ án, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ điều tra, thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội theo qui định của pháp luật [18, tr.144].

Như vậy, mặc dù có sự khác nhau nhưng các khái niệm nêu trên về Điều tra viên đều có chung một số điểm chính sau đây: *Thứ nhất*, ĐTV là chức danh tư pháp, là người tiến hành tố tụng trong CQĐT, có các tiêu chuẩn và điều kiện nhất định do pháp luật qui định và được người có thẩm quyền bổ nhiệm; *Thứ hai*, ĐTV được tiến hành các hoạt động tố tụng theo qui định của pháp luật và theo sự phân công của Thủ trưởng CQĐT; *Thứ ba*, khi tiến hành điều tra ĐTV có các quyền hạn, trách nhiệm theo qui định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Thủ trưởng CQĐT về các hoạt động của mình.

Từ sự phân tích trên có thể đưa ra khái niệm về ĐTV như sau: *Điều tra viên là người tiến hành tố tụng trong CQĐT, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo*

qui định của pháp luật, được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm và được Thủ trưởng CQĐT phân công thụ lý vụ án, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ điều tra, thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội theo qui định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Thủ trưởng CQĐT về các hoạt động của mình.

1.2. Khái niệm vai trò của Điều tra viên trong giải quyết VAHS

Vai trò của ĐTV được thể hiện thông qua các mối quan hệ tổ tụng trong quá trình giải quyết VAHS với các qui định về vị trí, chức năng, quyền hạn, trách nhiệm tổ tụng của pháp luật đối với ĐTV. Vì vậy, để xây dựng khái niệm vai trò của ĐTV trong giải quyết VAHS chúng ta sẽ xem xét các nội hàm này.

1.2.1. Vị trí của Điều tra viên trong tổ tụng hình sự

Trong bất kỳ mô hình TTHS nào việc điều tra làm rõ tội phạm cũng như các tình tiết khác liên quan là đòi hỏi tất yếu của quá trình giải quyết VAHS. Không thu thập được chứng cứ chứng minh tội phạm thì không có cơ sở để ra các quyết định tổ tụng, không thể có các bản án tuyên có tội hoặc không có tội đối với bị cáo của Tòa án. Tuy nhiên, giao trách nhiệm điều tra cho ai, ở mức độ nào, từ đó họ có quyền hạn, trách nhiệm tổ tụng gì lại phụ thuộc vào qui định của pháp luật từng quốc gia và sự qui định đó thể hiện vị trí của các chủ thể được giao tiến hành hoạt động điều tra. Trong mô hình tổ tụng tranh tụng, nghĩa vụ, trách nhiệm điều tra, thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm là nghĩa vụ, trách nhiệm của bên buộc tội bao gồm cơ quan công tố, người bị hại, công dân khi họ thực hành quyền tư tố... Tuy nhiên, việc điều tra chứng minh tội phạm không chỉ thuộc về bên buộc tội mà bên gỡ tội cũng có những quyền hạn trách nhiệm chứng minh tội phạm tương ứng trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng giữa các bên. Có thể khẳng định việc điều tra, chứng minh tội phạm của mô hình TTHS tranh tụng được chia đều cho các bên, khả

năng tiếp cận sự thật khách quan vụ án là ngang bằng nhau, các cơ hội mà pháp luật tạo ra cho mỗi bên hoàn toàn bình đẳng. Vì vậy, có những nước, trong mô hình TTHS tranh tụng không quy định chức danh ĐTV mà Công tố viên phải chịu trách nhiệm điều tra làm rõ tội phạm với sự cộng tác, hỗ trợ của Cảnh sát hoặc những nhân viên công lực khác theo quy định của pháp luật. Việc điều tra làm rõ tội phạm không chỉ được tiến hành trước khi mở phiên tòa mà còn được tiến hành trong suốt quá trình xét xử của Tòa án trên cơ sở thu thập và xuất trình chứng cứ của các bên.

Ngược lại, mô hình TTHS thẩm vấn có đặc điểm là việc thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm được tiến hành trước khi mở phiên tòa và được tập hợp trong hồ sơ vụ án và chuyển đến Tòa án để Hội đồng xét xử nghiên cứu. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chỉ kiểm tra, thẩm định chứng cứ thu thập được trong giai đoạn điều tra, truy tố nên không có việc tiếp tục điều tra, xuất trình chứng cứ mới tại phiên tòa nên việc điều tra thường giao trách nhiệm điều tra làm rõ tội phạm cho CQĐT chuyên biệt dưới sự chỉ đạo của Cơ quan công tố. Vì vậy, ĐTV cũng như CQĐT ở mô hình TTHS này có vị trí quan trọng, quyết định đến việc làm rõ sự thật khách quan vụ án.

Ở nước ta, CQĐT có chức năng điều tra làm rõ tội phạm và là chủ thể tiến hành TTHS chủ chốt trong giai đoạn khởi tố vụ án và giai đoạn điều tra, các chức năng truy tố, xét xử thuộc về VKS và Tòa án tương ứng với giai đoạn truy tố và xét xử. Vì vậy, ĐTV với tư cách là một trong những người tiến hành tố tụng thực hiện các hoạt động điều tra có vị trí quan trọng. Vị trí đó được thể hiện ở các quy định: *Thứ nhất*, khi được giao tiến hành hoạt động điều tra, ĐTV có các quyền hạn và trách nhiệm độc lập để thực hiện nhiệm vụ; *Thứ hai*, có vị trí đầy đủ của người tiến hành tiến hành tố tụng tương ứng với vị trí tố tụng của KSV, Thẩm phán trong các cơ quan VKS, Tòa án; *Thứ ba*, được quyền kiến nghị, đề nghị đối với các quyết định của Thủ trưởng

CQĐT, của KSV và VKS; *Thứ tư*, chịu trách nhiệm về các quyết định và hoạt động do mình tiến hành trong quá trình điều tra trước pháp luật và trước Thủ trưởng CQĐT. Như vậy, theo qui định của pháp luật Việt Nam, ĐTV có tư cách tổ tụng độc lập khi tiến hành điều tra, có các mối quan hệ với người tiến hành tố tụng, với cơ quan tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng khác khi thực hiện nhiệm vụ điều tra giải quyết VAHS.

1.2.2. Nhiệm vụ của Điều tra viên trong tố tụng hình sự

Nhiệm vụ của ĐTV xuất phát từ chức năng của CQĐT trong TTHS. Cơ quan điều tra thực hiện các nhiệm vụ của giai đoạn điều tra đặt ra, thu thập chứng cứ xác định tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ vụ án, đề nghị truy tố, tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu cơ quan, tổ chức liên quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa tội phạm. Trên cơ sở chức năng điều tra làm sáng tỏ mọi tình tiết liên quan đến vụ án của CQĐT, pháp luật TTHS qui định nhiệm vụ cho những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở CQĐT, trong đó có Điều tra viên. Do đó có thể nói tất cả những nhiệm vụ của CQĐT trong giai đoạn điều tra cũng chính là nhiệm vụ của ĐTV và những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác trong CQĐT.

1.2.2.1. Chức năng của Cơ quan điều tra trong TTHS

Chức năng điều tra, tùy theo việc xác định mô hình TTHS ở từng nước có thể được giao cho cho những cơ quan khác nhau. CQĐT là một bộ phận quan trọng của bộ máy các cơ quan tư pháp, là chủ thể tiến hành TTHS, tiến hành điều tra theo TTHS một cách độc lập là chức năng căn bản nhất của CQĐT. Các cơ quan khác chỉ được tham gia một phần vào chức năng này bằng việc tiến hành một vài hoạt động điều tra trong khi thực hiện chức năng căn bản khác là chức năng quản lý nhà nước ở một lĩnh vực nào đó.

Trên cơ sở chức năng của mình, CQĐT được quy định những nhiệm vụ cụ thể. Nhiệm vụ của Cơ quan điều tra nói chung nằm trong nhiệm vụ của Luật TTHS là:

...Phát hiện chính xác, nhanh chóng, xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội... góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm [37, Điều 1, tr.9].

Nhiệm vụ đó được cụ thể hóa tại Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự:

Cơ quan điều tra tiến hành điều tra tất cả các tội phạm, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật TTHS quy định để xác định tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố; tìm ra nguyên nhân, điều kiện phạm tội và yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa [39, Điều 3, tr.11].

“Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện những hành vi phạm tội đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự...” [39, Điều 4, tr.11] thì tùy thuộc vào tính chất tội phạm khởi tố VAHS, tiến hành một số hoạt động điều tra sau đó chuyển hồ sơ cho CQĐT hoặc Viện kiểm sát. *“Các cơ quan khác của CAND, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong khi làm nhiệm vụ của mình, nếu phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm”* [39, Điều 4, tr.11-12] thì có quyền khởi tố VAHS, tiến hành những hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ cho CQĐT có thẩm quyền. Như vậy, Cơ quan điều tra có nhiệm vụ sau đây:

Thứ nhất, tiến hành điều tra tất cả các tội phạm thuộc thẩm quyền được giao, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật TTHS quy định để xác định tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ đề nghị truy tố.

Chính vì thế, pháp luật TTHS quy định, khi thực hiện nhiệm vụ của mình, CQĐT chỉ được áp dụng các biện pháp điều tra nằm trong khuôn khổ của luật định mà không được vượt quá những quy định này. Sau khi CQĐT hoàn thành việc điều tra, nếu đã thu thập đầy đủ chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội thì viết Bản kết luận điều tra, đề nghị truy tố người phạm tội trước Tòa án, chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án và Bản kết luận điều tra sang Viện Kiểm sát; nếu không có đủ chứng cứ xác định bị can phạm tội và có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 107 Bộ luật TTHS năm 2003 thì CQĐT ra Quyết định đình chỉ điều tra. Nhiệm vụ này đảm bảo không một tội phạm nào không bị phát hiện, không người phạm tội nào tránh khỏi sự trừng phạt của pháp luật.

Thứ hai, khi tiến hành điều tra VAHS, Cơ quan điều tra có nhiệm vụ tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục ngăn ngừa. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Cơ quan điều tra nhằm góp phần có hiệu quả vào cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

Thứ ba, Cơ quan điều tra có nhiệm vụ tiếp nhận và tiếp tục điều tra theo thẩm quyền những VAHS do các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong CAND và trong Quân đội nhân dân, Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển chuyển sang theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

1.2.2.2. Nhiệm vụ của Điều tra viên

Những nhiệm vụ trên của CQĐT, được những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong CQĐT thực hiện, trong đó ĐTV là người trực tiếp và chủ yếu đảm nhiệm những nhiệm vụ đó. ĐTV được phân công điều tra VAHS, có trách nhiệm thực hiện các biện pháp điều tra, thu thập chứng cứ, sau đó lập kế hoạch điều tra VAHS. Kế hoạch điều tra được xây dựng trên cơ

sở các tình huống điều tra và các giả thiết được xây dựng xuất phát tình huống điều tra đó. Công tác điều tra sẽ nhanh chóng và hiệu quả nếu ĐTV đưa ra kế hoạch điều tra đúng đắn, sát với yêu cầu thực tế của vụ án. Sau khi lập kế hoạch điều tra vụ án, ĐTV chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra vụ án, trực tiếp áp dụng các biện pháp điều tra theo quy định tại Điều 35 Bộ luật TTHS năm 2003 để thu thập chứng cứ, chứng minh tội phạm và người phạm tội. *“Đây là giai đoạn khó khăn, phức tạp nhất thể hiện rõ vai trò, bản lĩnh cũng như trình độ nghiệp vụ của ĐTV. Nhiệm vụ trọng tâm lúc này của ĐTV là phải tái tạo lại sự việc phạm tội đã xảy ra trong quá khứ, căn cứ vào dấu vết, tài liệu, chứng cứ thu thập được”* [10, tr.15-16]. Lúc này ĐTV phải huy động tối đa khả năng trí tuệ để định hướng hoạt động của mình nhằm thu thập dấu vết, tài liệu, chứng cứ đồng thời phải tư duy, phân tích tìm ra chân lý, sự thật của VAHS. *“Việc tái tạo lại toàn bộ diễn biến của vụ án đã xảy ra trong quá khứ cho dù là tội phạm đơn giản thì cũng là một công việc đầy khó khăn và phức tạp, nhất là đối với các “vụ án mờ”, chưa rõ thủ phạm”* [10, tr.16]. ĐTV phải đặt các giả thiết, tìm ra lời giải đáp, thu thập chứng cứ và xem xét đánh giá, chấp nối các sự kiện sao cho “bức tranh” được tái hiện lại hoàn toàn chuẩn xác như những gì đã xảy ra trong quá khứ. Để làm được điều đó, ĐTV phải là người am hiểu, có kiến thức xã hội và pháp luật sâu sắc; có trình độ nghiệp vụ điều tra; có khả năng tư duy, phán đoán sự việc một cách sắc sảo, logic; có phẩm chất chính trị và đạo đức trong sáng.

Trong điều tra giải quyết VAHS, ĐTV phải dám tự hành động độc lập và dám chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của mình, ngay cả trong cơ chế điều tra bằng tổ chức, bằng ban chuyên án thì phẩm chất cá nhân, khả năng độc lập hành động của ĐTV vẫn là thế mạnh và là điều kiện không thể thiếu để ĐTV hoàn thành nhiệm vụ. *“Rõ ràng là không phải ở đâu và vào bất cứ lúc nào ĐTV cũng có thể báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng CQĐT.*

Cũng không phải bao giờ Thủ trưởng CQĐT cũng phải chi tiết hóa, cụ thể hóa chiến thuật tiến hành từng hoạt động điều tra cho ĐTV” [10, tr.16]. Do đó, ĐTV phải độc lập, tự nghiên cứu, lựa chọn kế hoạch và quyết định chiến thuật điều tra phù hợp với tình huống cụ thể sao cho đạt hiệu quả cao nhất. ĐTV phải thường xuyên đánh giá chứng cứ để kịp thời bổ sung, sửa đổi kế hoạch điều tra và tiếp tục tổ chức thực hiện.

Khi chứng cứ thu thập được đã đủ để chứng minh, khẳng định có căn cứ về tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự thì ĐTV viết kết luận điều tra vụ án, đề nghị truy tố để báo cáo Thủ trưởng CQĐT phê duyệt.

Như vậy, trong điều tra VAHS, ĐTV là người phát hiện và điều tra làm rõ tội phạm và người phạm tội một cách khách quan, toàn diện, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan cho người vô tội. Vai trò đó được thể hiện ở từng khía cạnh cụ thể căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ĐTV như sau: (1) tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, giữ vai trò quan trọng trong việc quyết định khởi tố hay không khởi tố VAHS. (2) lập kế hoạch điều tra và trực tiếp thực hiện các biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật TTHS để thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội. (3) kiểm tra, đánh giá chứng cứ của vụ án trên cơ sở niềm tin nội tâm và quy định của pháp luật, giữ vai trò quan trọng trong việc kết luận điều tra và quyết định đề nghị hay không đề nghị truy tố người phạm tội.

1.2.3. Mối quan hệ giữa Điều tra viên với những người tiến hành tố tụng khác trong tố tụng hình sự

So với vị trí của các chủ thể khác trong hoạt động TTHS như KSV, Thẩm phán thì ĐTV trong TTHS nước ta (ở giai đoạn điều tra) có vị trí tương đối độc lập. Khi được phân công điều tra VAHS, ĐTV được quyền tiến hành

các biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật TTHS và chịu trách nhiệm về những hoạt động điều tra của mình. Mặt khác, xuất phát từ quan niệm quyền tư pháp là hoạt động xét xử của Tòa án và những hoạt động của các nhân viên, cơ quan Nhà nước khác liên quan trực tiếp đến xét xử, nên hoạt động điều tra của ĐTV là hoạt động tư pháp nhằm thực hiện quyền tư pháp và được vận hành dưới sự điều chỉnh của pháp luật TTHS. Vì vậy, khi tiến hành thực hiện nhiệm vụ điều tra VAHS, ĐTV có mối quan hệ với những người tiến hành tố tụng khác, đó là:

1.2.3.1. Mối quan hệ giữa Điều tra viên với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra

Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT là người đại diện cho CQĐT trong TTHS, đồng thời cũng là người tiến hành tố tụng khi tiến hành các hoạt động điều tra. Trong quá trình điều tra VAHS, một trong những nhiệm vụ quan trọng của ĐTV là tổ chức hoạt động điều tra VAHS dưới sự chỉ đạo, kiểm tra của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT và sự giám sát việc tuân thủ pháp luật của KSV. *“Tuy là một nhiệm vụ thuộc về kỹ năng điều tra, nhưng phải nói rằng chính qua hoạt động này đã thể hiện rõ nét vai trò của ĐTV trong điều tra VAHS”* [47, tr.21]. Việc tổ chức hoạt động điều tra VAHS nhằm xác định nội dung và trình tự giải quyết, cách thức tổ chức các lực lượng, phương tiện và các hoạt động hỗ trợ nhằm giải quyết thành công, nhanh chóng những nhiệm vụ điều tra của vụ án.

Việc tổ chức hoạt động điều tra của ĐTV trong quá trình điều tra VAHS là một yêu cầu nghiệp vụ mang tính bắt buộc, bởi lẽ bản thân hoạt động điều tra luôn mang tính đa dạng về nội dung cần giải quyết, nó lại diễn ra trong một điều kiện thiếu thông tin về tội phạm cũng như người phạm tội, mặt khác nó lại luôn chịu sự điều chỉnh

chi tiết của pháp luật TTHS cho nên nếu như quá trình thực hiện hoạt động điều tra, ĐTV không có kế hoạch tổ chức thực hiện thì các nhiệm vụ của giai đoạn điều tra đặt ra khó có thể hoàn thành được [47, tr.21-22].

Vì vậy, việc lập kế hoạch điều tra vụ án sẽ giúp cho công tác điều tra được tiến hành một cách khoa học, khách quan và toàn diện; tạo điều kiện cho quá trình thu thập chứng cứ đạt hiệu quả tốt. Nội dung kế hoạch điều tra phải xác định được nhiệm vụ của hoạt động điều tra, các phương pháp, biện pháp, phương tiện, lực lượng, kinh phí thực hiện nhiệm vụ đó, các bước thực hiện và các yếu tố khác có liên quan, tác động trong quá trình thực hiện. Trình tự thực hiện các hoạt động điều tra phải căn cứ vào các yêu cầu của tình huống điều tra cụ thể, việc xác định đúng trình tự thực hiện ảnh hưởng trực tiếp đến việc thu thập chứng cứ, đồng thời thể hiện sự linh hoạt, tính sáng tạo, nhạy bén của ĐTV trong hoạt động điều tra. Điều tra viên phải lập cả kế hoạch chung và kế hoạch cụ thể nhằm chi tiết hóa các bước trong kế hoạch chung (như kế hoạch bắt bị can, kế hoạch hỏi cung, kế hoạch đối chất...). Ngoài ra ĐTV còn có nhiệm vụ theo dõi các kết quả công việc, tổng hợp tình hình... báo cáo Thủ trưởng CQĐT để kịp thời thay đổi, bổ sung kế hoạch điều tra. Sau những khoảng thời gian nhất định, ĐTV chủ động tiến hành sơ kết việc thực hiện kế hoạch điều tra để đánh giá các kết quả đã đạt được, đồng thời kiểm tra, đánh giá các chứng cứ đã thu thập so với các vấn đề cần chứng minh trong VAHS để xây dựng kế hoạch điều tra tiếp theo. Cứ như vậy cho đến khi đã thu thập được đầy đủ các chứng cứ làm rõ các vấn đề cần chứng minh, lúc đó mới được kết thúc điều tra VAHS.

Như vậy, trong mối quan hệ giữa ĐTV với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT thể hiện mối quan hệ phụ thuộc của ĐTV đối với sự phân công nhiệm

vụ điều tra, thực hiện kế hoạch điều tra, thi hành các quyết định tố tụng của Thủ trưởng CQĐT. Đồng thời, khi tiến hành các hoạt động điều tra thuộc thẩm quyền và được phân công ĐTV lại có sự độc lập tương đối nên “*Điều tra viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra về hành vi, quyết định của mình*” [38, Điều 37, Khoản 2, tr.27].

1.2.3.2. Mối quan hệ giữa Điều tra viên với những người tiến hành tố tụng trong Viện kiểm sát

Tùy theo việc lựa chọn mô hình TTHS, mà Luật TTHS các nước qui định tính chất, nội dung mối quan hệ giữa CQĐT với Viện kiểm sát/Cơ quan công tố. Đa phần các quốc gia trên thế giới coi hoạt động điều tra là một nội dung của quyền công tố, nên mọi hoạt động của CQĐT đều đặt dưới sự chỉ đạo của Cơ quan công tố và do đó CQĐT phụ thuộc và chịu sự chỉ đạo của Cơ quan công tố. Ở nước ta, do đặc điểm của việc tổ chức bộ máy nhà nước và mô hình tố tụng nên CQĐT và Viện kiểm sát được giao thực hiện chức năng khác nhau trong TTHS, CQĐT có chức năng điều tra, VKS có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động TTHS nói chung và trong điều tra nói riêng. Do đó, CQĐT và VKS hình thành mối quan hệ phối hợp và chế ước. *Thứ nhất, mối quan hệ phối hợp:* Xuất hiện từ khi các cơ quan chức năng nhận được tố giác, tin báo về tội phạm đến khi kết thúc hoạt động điều tra nhằm đảm bảo cho mọi hành vi phạm tội đều được phát hiện và xử lý nghiêm minh theo pháp luật. Để cho hoạt động điều tra đem lại hiệu quả cao thì CQĐT và VKS phải thường xuyên thông báo, trao đổi về tình hình tội phạm và công tác của hai bên, phải tổ chức họp định kỳ hoặc đột xuất để thống nhất quan điểm trong việc giải quyết VAHS. Như vậy, sự phối hợp giữa CQĐT và VKS là đòi hỏi tất yếu khách quan; phải được thực hiện trên cơ sở chủ động, tích cực của mỗi cơ quan, có như vậy mới đảm bảo chất lượng, hiệu quả của việc giải quyết VAHS, góp

phần hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ đã được pháp luật quy định. *Thứ hai, mối quan hệ chế ước:* Sự cần thiết của mối quan hệ chế ước thể hiện ở: Tính khó khăn phức tạp của hoạt động TTHS; mặt khác, một trong những nguyên tắc cơ bản của Luật TTHS đòi hỏi tôn trọng sự thật khách quan, toàn diện và đầy đủ. Bên cạnh đó hoạt động TTHS được thực hiện bởi những con người cụ thể, chịu sự tác động của các nhân tố khách quan và chủ quan từ môi trường xã hội. Quan hệ chế ước giữa CQĐT và VKS không phải là quan hệ chấp hành và điều hành, nhưng cũng không phải là quan hệ chế ước một chiều từ phía VKS đối với CQĐT mà cả hai cơ quan này đều có thể chế ước lẫn nhau trong hoạt động TTHS ở một chừng mực nhất định. Nội dung của mối quan hệ chế ước này thể hiện: Trước hết, phải khẳng định rằng quan hệ chế ước chỉ xuất hiện khi hai cơ quan này cùng giải quyết VAHS. Để đảm bảo cho hoạt động điều tra, CQĐT có quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người bị nghi là thực hiện tội phạm, đối với bị can. Tuy nhiên VKS có quyền phê chuẩn hay không phê chuẩn các quyết định này của CQĐT. Trong một số trường hợp CQĐT có quyền ra các quyết định tố tụng mà không cần sự phê chuẩn của VKS như quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú, quyết định tạm đình chỉ điều tra... Tuy nhiên, những quyết định này vẫn phải được gửi cho VKS để kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Nếu VKS thấy không có căn cứ cho việc ra quyết định như sai thẩm quyền, không đúng thủ tục... thì VKS sẽ huỷ bỏ các quyết định trên. Trong trường hợp này CQĐT phải thực hiện quyết định huỷ bỏ, chấm dứt mọi hoạt động. Trong các biện pháp điều tra mà CQĐT thực hiện, VKS có quyền đình chỉ các biện pháp điều tra nếu thấy không đảm bảo tính hợp pháp trong việc thu thập chứng cứ. Đối với những chứng cứ đã thu thập được VKS có quyền kiểm tra lại. VKS cũng có quyền yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra lại hoặc điều tra bổ sung và CQĐT phải thực hiện quyết định này của VKS. Tuy vậy quan hệ chế ước không chỉ có từ

phía VKS đối với CQĐT mà còn có sự chế ước của CQĐT đối với VKS nhằm đảm bảo cho hoạt động TTHS được tuân thủ một cách triệt để.

Mối quan hệ giữa CQĐT và VKS nêu trên đã quyết định mối quan hệ giữa những người tiến hành tố tụng ở các cơ quan này, trong đó có ĐTV. Theo đó, ĐTV có mối quan hệ phối hợp và chế ước trong hoạt động tố tụng hình sự với KSV và Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS theo quyền hạn, trách nhiệm của mình.

Từ những phân tích nêu trên có thể đưa ra khái niệm về Vai trò của ĐTV trong giải quyết VAHS như sau: *Vai trò của ĐTV trong giải quyết VAHS thể hiện vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của họ và mối quan hệ với những người tiến hành tố tụng khác trong hoạt động điều tra theo qui định của pháp luật hướng tới mục đích khách quan, công bằng, bảo đảm quyền con người trong quá trình giải quyết VAHS.*

Hiện nay, khoa học công nghệ, kỹ thuật đã có bước phát triển nhảy vọt, nhiều thành tựu khoa học được ứng dụng vào các hoạt động tư pháp trong đó có công tác điều tra thì khả năng, trí tuệ và vai trò của ĐTV vẫn là điều không thể thay thế. *“Nếu ĐTV là người có trách nhiệm và trình độ pháp luật, nghiệp vụ vững vàng, có kinh nghiệm điều tra thì kết quả điều tra sẽ đạt ở mức độ cao. Ngược lại, nếu ĐTV không có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn đó thì sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả điều tra”* [10, tr.17-18]. Trong quá trình điều tra, nếu ĐTV chủ quan hoặc có động cơ tiêu cực, cá nhân, chủ động làm sai lệch hồ sơ vụ án thì sẽ dẫn tới bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội.

Như vậy, trong giai đoạn điều tra VAHS, *“cá nhân ĐTV luôn giữ vị trí, vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả, chất lượng, tính khách quan, chính xác về sự thật vụ án”* [10, tr.18], nó quyết định vấn đề thành công hay thất bại của cả quá trình điều tra VAHS.

1.3. Vai trò của Điều tra viên trong luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới

Vai trò của ĐTV trong luật TTHS trên thế giới phụ thuộc vào cách thức tổ chức, vị trí của CQĐT trong hệ thống cơ quan nhà nước và phụ thuộc vào việc xác định mô hình TTHS ở mỗi quốc gia. Qua nghiên cứu, thấy rằng *“trong các mô hình TTHS, đa phần các nước không tổ chức hệ thống CQĐT riêng mà hoạt động điều tra thường giao cho các cơ quan nhà nước khác nhau thực hiện dưới sự chỉ đạo, điều hành của Cơ quan công tố hoặc do Cơ quan công tố trực tiếp đảm nhiệm”* [17, tr.1]. Cách tổ chức hoạt động điều tra này xuất phát từ quan niệm điều tra là một trong những nội dung của quyền công tố, để truy cứu trách nhiệm hình sự một người thì Cơ quan công tố phải tiến hành điều tra thu thập chứng cứ và phải chịu trách nhiệm về tất cả các hành vi tố tụng của hoạt động điều tra. Dưới đây sẽ xem xét vai trò của ĐTV trong tố tụng hình sự ở một số quốc gia:

1.3.1. Vai trò của ĐTV trong Luật TTHS của Cộng hòa liên bang Đức

Ở Cộng hòa liên bang Đức, Cơ quan công tố là chủ thể tiến hành hoạt động điều tra nên họ không thành lập hệ thống Cơ quan điều tra riêng biệt như Luật tố tụng hình sự Việt Nam. Vì vậy, luật quy định Cơ quan công tố có trách nhiệm trong toàn bộ hoạt động điều tra.

Cơ quan công tố phải tiến hành điều tra ngay khi nhận được tin báo, tố giác tội phạm. Khi vụ án được khởi tố, Cơ quan công tố có quyền và trách nhiệm áp dụng tất cả các biện pháp của Luật TTHS để thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm và hành vi phạm tội của bị can, bị cáo, làm rõ tất cả các tình tiết liên quan đến vụ án. Trong quá trình điều tra, Cơ quan công tố có trách nhiệm thu thập chứng cứ buộc tội và cả những chứng cứ gỡ tội để bảo đảm sự khách quan, công bằng không thiên vị trong lĩnh vực tư pháp hình sự [52, Điều 161 (II)].

Từ năm 1975, luật TTHS của Đức quy định Công tố viên có toàn quyền tiến hành điều tra trên tất cả các phương diện đối với tất cả các tình tiết liên quan đến vụ án, chỉ trong những trường hợp cần thiết sẽ yêu cầu Cảnh sát hỗ trợ theo lệnh của Cơ quan công tố. Mặc dù Công tố viên có toàn quyền điều tra nhưng luật cũng quy định cho Cảnh sát có nghĩa vụ phải tiến hành điều tra ngay khi nhận được tin báo về tội phạm mà không cần phải chờ lệnh của Cơ quan công tố.

Cảnh sát được chia làm 2 loại, là Cảnh sát hình sự và Cảnh sát bảo vệ. Theo quy định, Cảnh sát bảo vệ thường điều tra các tội phạm ít nghiêm trọng, trong khi Cảnh sát hình sự điều tra các tội phạm nghiêm trọng và những tội phạm đòi hỏi tính chuyên nghiệp trong một số lĩnh vực nhất định như các tội lừa đảo tài chính hay tội phạm về môi trường [17, tr.2].

Cảnh sát đóng vai trò chính trong quá trình điều tra và chủ động tiến hành các hoạt động điều tra. Vì Viện công tố không có lực lượng để thực hiện nhiệm vụ điều tra nên phải yêu cầu Cảnh sát hỗ trợ. Mặc dù về nguyên tắc, Công tố viên là người chỉ đạo tiến trình tố tụng giai đoạn tiền xét xử và đưa ra các mệnh lệnh cho Cảnh sát nhưng trên thực tế Cảnh sát thường chủ động tiến hành các hoạt động điều tra. Chỉ trong những trường hợp phức tạp và nghiêm trọng thì Cảnh sát điều tra mới chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Công tố viên. Khi Cảnh sát hoàn thành việc điều tra, hồ sơ sẽ chuyển cho bên công tố để quyết định có truy tố hay không. Tuy nhiên, trách nhiệm pháp lý đối với tất cả các hoạt động điều tra vẫn thuộc về Cơ quan công tố. Chỉ trong những trường hợp rất ngoại lệ thì Công tố viên mới tự mình điều tra để xác định tính xác thực của các tin báo và tố giác về tội phạm. Thông thường Cảnh sát cũng phải liên hệ với Công tố viên, đặc biệt khi giải quyết các vụ án nghiêm trọng hay các tội phạm kinh tế. Có một bộ phận của Cơ quan công tố chuyên trách về tội phạm lừa đảo, gian lận nghiêm trọng, ở bộ phận này Công tố viên có ảnh

hướng lớn đến hướng điều tra và đưa ra hướng dẫn trực tiếp đến hoạt động điều tra, đưa ra tư vấn về chứng cứ chuyên ngành, quyết định việc trưng cầu chuyên gia giám định.

Như vậy, vai trò của ĐTV trong hoạt động TTHS ở Đức khá khiêm tốn, họ chỉ tiến hành các hoạt động điều tra theo sự chỉ đạo của Công tố viên và về khía cạnh pháp lý thì *“Công tố viên có quyền can thiệp vào tất cả các hoạt động điều tra vụ án, chỉ huy hoạt động điều tra và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động điều tra”* [17, tr.3].

1.3.2. Vai trò của ĐTV trong Luật TTHS của Cộng hòa Pháp

Ở Pháp cũng không thành lập CQĐT riêng mà chỉ có những cơ quan nhà nước được giao tiến hành hoạt động điều tra, như Cơ quan cảnh sát, Cơ quan hải quan, thuế vụ... Cơ quan công tố được giao trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, quản lý điều tra, thậm chí có thể trực tiếp tiến hành điều tra và chịu trách nhiệm về kết quả điều tra. *“Việc điều tra ở Pháp được coi là một phần của quyền công tố nên Cơ quan công tố có thẩm quyền và trách nhiệm đối với hoạt động này”* [17, tr.4]. Do đó, việc tiếp nhận và xử lý tố giác, tin báo về tội phạm, mặc dù pháp luật quy định cho nhiều cơ quan nhưng *“Viện công tố là cơ quan được giao trách nhiệm theo dõi, quản lý mọi thông tin về tội phạm và quyết định xử lý các tố giác, tin báo về tội phạm”* [53]. Các cơ quan, tổ chức khác khi tiếp nhận phải kịp thời thông báo cho Viện công tố.

Trong giai đoạn điều tra, Viện công tố có trách nhiệm chỉ đạo hoạt động việc điều tra và quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp điều tra thu thập chứng cứ. Tất cả các hoạt động điều tra của các cơ quan được giao tiến hành điều tra phải thông báo đầy đủ, kịp thời cho Viện công tố để quyết định hướng xử lý tiếp theo. Các nhân viên điều tra trong các cơ quan chỉ tham gia điều tra vụ án khi được Viện trưởng Viện công tố cấp phép điều tra, trong trường hợp họ không đáp ứng nhu cầu chuyên môn, có vi phạm

hoặc không tuân thủ yêu cầu của Công tố viên thì Viện trưởng Viện công tố có thể quyết định tạm đình chỉ việc tham gia điều tra. Ngoài ra, còn quy định “*Thẩm phán điều tra đối với những vụ án nghiêm trọng, phức tạp do Viện công tố chuyển sang*” [17, tr.4].

Như vậy, vai trò của ĐTV trong hoạt động TTHS ở Pháp khá mờ nhạt, họ chỉ tiến hành các hoạt động điều tra theo sự chỉ đạo của Công tố viên hoặc Thẩm phán và trách nhiệm điều tra thuộc về:

Cơ quan công tố đối với hầu hết các vụ án, hoặc do Thẩm phán tiến hành đối với một số ít vụ án là tội phạm nghiêm trọng, phức tạp. Các cơ quan nhà nước khác... có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra dưới sự chỉ đạo, quản lý của Cơ quan công tố [17, tr.4].

1.3.3. Vai trò của ĐTV trong Luật TTHS của Liên bang Nga

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự liên bang Nga thì việc điều tra vụ án hình sự sẽ do Dự thẩm viên tiến hành.

Dự thẩm viên là người có chức vụ có thẩm quyền tiến hành hoạt động điều tra vụ án hình sự cũng như tham gia tiến hành một số hoạt động điều tra và một số hoạt động tố tụng khác theo ủy quyền của Thủ trưởng Cơ quan điều tra dự thẩm, hoặc tiến hành một số hoạt động điều tra và một số hoạt động tố tụng khác đối với VAHS mình không thụ lý; Dự thẩm viên có thẩm quyền:

(1) Khởi tố vụ án hình sự theo thủ tục quy định tại Bộ luật này; (2) Tiếp nhận vụ án hình sự để tiến hành điều tra hoặc chuyển đến Cơ quan điều tra dự thẩm nơi có thẩm quyền điều tra; (3) Tự mình tiến hành các bước điều tra, quyết định tiến hành các hoạt động điều tra và các hoạt động tố tụng khác, trừ những trường hợp phải có quyết định của Tòa án và (hoặc) đồng ý của Thủ trưởng

CQĐT dự thẩm; (4) Đưa ra yêu cầu bằng văn bản cho CQĐT ban đầu (mang tính) bắt buộc phải thực hiện các biện pháp truy tìm nghiệp vụ, tiến hành một số hoạt động điều tra. Thi hành quyết định bắt giữ, triệu tập, khám xét và thực hiện những hoạt động tố tụng khác ...[54, Điều 38, tr.33].

Trong quá trình điều tra VAHS Dự thẩm viên có toàn quyền quyết định tất cả các vấn đề về phương hướng điều tra xử lý vụ án cũng như việc tiến hành các hoạt động điều tra một cách độc lập, ngoại trừ một số trường hợp luật quy định phải có sự phê chuẩn của VKS và phải chịu toàn bộ trách nhiệm về các hành vi và quyết định của mình.

Về nguyên tắc chung, *“các yêu cầu và chỉ dẫn của VKS có hiệu lực bắt buộc đối với Dự thẩm viên. Nếu không đồng ý với chỉ dẫn, yêu cầu của VKS, Dự thẩm viên vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền kiến nghị lên VKS cấp trên”* [10, tr.35]. Khi Dự thẩm viên không đồng ý với các yêu cầu, chỉ dẫn của VKS về VAHS như khởi tố bị can, xác định tội danh, phạm vi buộc tội, truy tố bị can ra trước Tòa án hay đình chỉ vụ án thì *“Dự thẩm viên có quyền không thực hiện và kiến nghị lên VKS cấp trên; VKS cấp trên hoặc hủy bỏ yêu cầu, chỉ dẫn của VKS cấp dưới, hoặc giao vụ án cho Dự thẩm viên khác tiến hành điều tra”* [10, tr.35].

Đây là nguyên tắc tiên bộ, đảm bảo cho Dự thẩm viên trong quá trình điều tra vụ án được hoàn toàn độc lập, chỉ hành động theo pháp luật và niềm tin nội tâm của mình, Thủ trưởng CQĐT và VKS cấp trên cũng không có quyền ép buộc họ phải hành động trái với pháp luật và niềm tin nội tâm của mình để giải quyết vụ án khách quan, chính xác.

Từ việc nghiên cứu vai trò của ĐTV trong luật TTHS của một số nước trên thế giới chúng tôi thấy rằng: các nước thường không thành lập CQĐT riêng biệt, chuyên trách và hoạt động điều tra thường gắn liền với Cơ quan

công tố (trong TTHS có ba mô hình phổ biến về vai trò công tố trong hoạt động điều tra), về cơ bản hoạt động của ĐTV chịu sự chỉ đạo của Cơ quan công tố. Ở nước ta, ĐTV mặc dù đã được trao thêm một số quyền hạn, nhưng nhìn chung còn bị hạn chế về quyền năng tố tụng. Do đó ĐTV không thể phát huy hết khả năng, tính chủ động, sáng tạo trong quá trình điều tra giải quyết VAHS. So với ĐTV ở nước ta thì Dự thẩm viên của Liên bang Nga hoàn toàn độc lập về tố tụng và có thẩm quyền rất lớn. Đây là điều kiện quan trọng nâng cao trách nhiệm cũng như phát huy vai trò chủ động sáng tạo của Dự thẩm viên trong điều tra VAHS.

Do đó, chúng tôi xin đưa ra một số ý kiến về việc hoàn thiện tổ chức và hoạt động của CQĐT và ĐTV trong TTHS Việt Nam như sau:

Một là, tiếp tục khẳng định nhiệm vụ của CQĐT là đi tìm sự thật khách quan của VAHS, phải thu thập cả chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội.

Hai là, đổi mới quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của ĐTV trong CQĐT, tăng thẩm quyền và đảm bảo cho ĐTV hoạt động độc lập trong quá trình điều tra giải quyết VAHS.

Ba là, khẳng định và tăng cường hơn nữa vai trò của VKS và KSV trong kiểm sát hoạt động điều tra VAHS của CQĐT và ĐTV, bảo đảm chống bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội theo hướng VKS chỉ đạo và chịu trách nhiệm về các quyết định tố tụng và hoạt động điều tra của CQĐT và ĐTV.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN VỀ VAI TRÒ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÌNH SỰ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN

2.1. Quy định của pháp luật về vai trò của Điều tra viên trong giải quyết vụ án hình sự

2.1.1. Quy định của pháp luật về vai trò của Điều tra viên từ năm 1945 đến trước năm 1988

Trong giai đoạn này, do yêu cầu của cách mạng đồng thời do sự non trẻ của chính quyền mới thành lập nên việc quy định bằng pháp luật các trình tự, thủ tục, thẩm quyền... của hoạt động mang tính chất điều tra còn chưa cụ thể, rõ ràng.

Tên gọi của những cán bộ trực tiếp làm nhiệm vụ điều tra gắn liền với tên gọi của CQĐT. Do chưa có quy định về tên gọi mang tính pháp lý nên người thực hiện nhiệm vụ điều tra được gọi chung là cán bộ Công an, cán bộ chấp pháp hoặc cán bộ xét hỏi. Chính vì tên gọi như trên cho nên hoạt động điều tra giải quyết VAHS “*có thể do bất kỳ người nào trong cơ quan Công an, hoặc cơ quan chấp pháp tiến hành mà không cần có danh nghĩa pháp lý*” [29, tr.21], cũng như không cần bổ nhiệm. Hơn nữa, pháp luật TTHS giai đoạn này còn rất sơ sài, quy định chưa rõ ràng về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm cụ thể của cán bộ thực hiện nhiệm vụ điều tra VAHS.

Một số văn bản quy phạm pháp luật thời kỳ này quy định về hoạt động điều tra, người thực hiện nhiệm vụ điều tra như: Sắc lệnh 33A/SL, Sắc lệnh 33B ngày 13/9/1945; Sắc lệnh số 13/SL ngày 24/01/1946 về việc “*Cách tổ chức các Tòa án và các ngạch thẩm phán trong nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa*”; Sắc lệnh số 23/NV ngày 21/02/1946; Sắc lệnh 40/SL ngày 29/3/1946;

Sắc lệnh số 51/SL ngày 17/4/1946 về thẩm quyền của các Tòa án và sự phân công giữa các nhân viên; Sắc lệnh số 131/SL ngày 20/7/1946 về tổ chức Tư pháp Công an; Sắc lệnh 51/SL ngày 17/4/1946; Sắc lệnh số 103-SL/L005 ngày 20/5/1950; Nghị định số 301/TTg ngày 10/7/1957; Sắc luật số 002/SLt ngày 18/6/1957; Luật tổ chức VKS nhân dân năm 1960; Thông tư số 427/TTLB ngày 28/6/1963 của VKS nhân dân Tối cao và Bộ Công an quy định tạm thời một số nguyên tắc về quan hệ công tác giữa hai ngành; Luật tổ chức VKS nhân dân năm 1981; Thông tư liên bộ số 01-TT/LB ngày 23/01/1984 giữa VKS nhân dân Tối cao và Bộ Nội vụ.

Ở giai đoạn này, các hoạt động điều tra chỉ được phân công tiến hành một cách rõ nét hơn trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các nhân viên thực hiện nhiệm vụ điều tra *“khi Chủ tịch nước ban hành các Sắc lệnh 40/SL ngày 29/3/1946 về bảo vệ quyền tự do cá nhân; Sắc lệnh số 51/SL ngày 17/4/1946 về thẩm quyền của các Tòa án và sự phân công giữa các nhân viên và Sắc lệnh số 131/SL ngày 20/7/1946 về tổ chức Tư pháp Công an”* [47, tr.26-27].

Do đòi hỏi của tình hình cách mạng những năm 1950, một cơ chế mới-cơ chế “dân chủ hoá nền tư pháp” đã được hình thành. Các quy định của pháp luật TTHS được nâng lên một bước mới về chất, các hoạt động điều tra của cán bộ điều tra được quy định tương đối chặt chẽ hơn bằng pháp luật. *“Công việc phát hiện điều tra khám phá tội phạm và người phạm tội thuộc nhiệm vụ của Bộ Công an. Tổ chức Tư pháp Công an đã không còn tồn tại theo Sắc lệnh số 85/SL ngày 22/5/1950 về cải cách bộ máy tư pháp và luật tố tụng”* [47, tr.30]. Trong hoạt động điều tra không còn hình thức điều tra thẩm cứu. Hoạt động điều tra của cơ quan Công an được giao cho bộ phận chấp pháp thuộc Ty bảo vệ chính trị trong Nha Công an Trung ương; thực hiện cùng một lúc hai hình thức điều tra là điều tra theo tố tụng và điều tra trinh sát.

Những quy định của TTHS thời kỳ này chỉ thực sự rõ ràng và chi tiết

hơn khi Luật tổ chức VKS nhân dân được ban hành ngày 15/7/1960. Sự kiện này phù hợp với các nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được quy định trong Hiến pháp 1959 và hình thành nên một “diện mạo” mới cho quá trình TTHS, nhất là hoạt động điều tra của các CQĐT. Đó là việc quy định *“Quyết định khởi tố VAHS được coi là một văn bản pháp lý đầu tiên cho phép các CQĐT, những người tiến hành hoạt động điều tra hay VKS được áp dụng những biện pháp luật định để ngăn chặn kịp thời tội phạm, hay phát hiện nhanh chóng tội phạm và người phạm tội”* [47, tr.32]. Sự ra đời của VKS đã hình thành nên hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra của CQĐT và những người tiến hành hoạt động điều tra. Mọi hoạt động tố tụng của các cán bộ điều tra đều chịu sự kiểm tra, giám sát của KSV.

Theo quy định chung thì việc điều tra VAHS được giao cho cơ quan Công an là chủ yếu. Còn VKS cũng có quyền khởi tố VAHS và tiến hành điều tra *“trong phạm vi điều kiện và khả năng của mình sẽ trực tiếp điều tra một số loại phạm pháp kinh tế và trị an xã hội mà kẻ phạm pháp và hành vi phạm pháp đã tương đối rõ”* [57, Chương I, Điểm 2]. Ngoài ra, CQĐT Bộ Quốc phòng có quyền điều tra các vụ án mà pháp luật quy định và các hoạt động điều tra của một số cơ quan khác như Hải quan, Kiểm lâm...

Đến năm 1981 khi Luật tổ chức VKS nhân dân đã được ban hành thay thế Luật tổ chức VKS nhân dân năm 1960 *“thì những hoạt động cụ thể trong công tác điều tra, mối quan hệ giữa VKS và Công an trong công tác điều tra và kiểm sát điều tra được quy định trong Thông tư liên bộ số 01-TT/LB ngày 23/01/1984 giữa VKS nhân dân Tối cao và Bộ Nội vụ”* [47, tr.33-34] thì về cơ bản cơ chế điều tra trên vẫn tồn tại cho đến khi có Bộ Luật TTHS năm 1988, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 1989.

Tóm lại, qua nghiên cứu về vai trò của các cán bộ thực hiện nhiệm vụ điều tra trong thời kỳ này thấy rằng:

Mọi hoạt động điều tra của họ đều được tiến hành dưới sự quản lý của thủ trưởng các cơ quan có thẩm quyền điều tra VAHS theo một cơ chế mang tính chất quản lý hành chính Nhà nước là chủ yếu, tuy có chịu sự ràng buộc nhất định của các quy định pháp luật về TTHS [47, tr.34].

Thủ trưởng cơ quan Công an có trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự và chịu trách nhiệm về điều tra tố tụng lại là thành viên của cơ quan hành chính địa phương nên dễ dẫn đến những sai lệch trong hoạt động tố tụng. Các vụ việc chỉ chuyển sang điều tra tố tụng khi thấy cần thiết, chủ yếu là sử dụng biện pháp xử lý hành chính. Mặt khác, nhân viên trong cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền điều tra VAHS khi họ được Thủ trưởng phân công thực hiện những hoạt động điều tra này, các cán bộ điều tra (có thể là cán bộ Công an, cán bộ Quân pháp...) đều có thể dưới danh nghĩa tố tụng của Thủ trưởng, nhân danh Thủ trưởng cơ quan của họ để thực hiện hoạt động điều tra, cho nên họ không chịu trách nhiệm cá nhân về tố tụng. Do đó, ở thời kỳ này *“việc xác định “ai” là chủ thể chính thức của quan hệ trong quá trình điều tra, cũng như việc xác định các mối quan hệ pháp lý trong quá trình đó thật sự là một việc khó khăn”* [47, tr.35].

Một số quy định của pháp luật về các biện pháp điều tra, tổ chức hoạt động điều tra...ở thời kỳ những năm 1950 lại là một bước lùi so với những quy định này ở thời kỳ trước đó (do nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân về tình hình của cách mạng trong mỗi thời kỳ). Ở giai đoạn sau, trong hoạt động điều tra không còn phân biệt điều tra ban đầu và điều tra thẩm cứu. Việc quy định VKS có quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan, nhân viên điều tra trong hoạt động điều tra đã làm hoạt động của CQĐT thực chất là hoạt động công tố (tiền công tố), hoạt động giúp cơ quan Công tố thay mặt Nhà nước buộc người phạm tội trước Tòa án.

2.1.2. Quy định của pháp luật về vai trò của Điều tra viên từ năm 1988 đến trước năm 2003

Chế định ĐTV lần đầu tiên được quy định trong Bộ luật TTHS năm 1988; Điều này đã phản ánh sự chuyên môn hóa trong hoạt động điều tra. Và đã có quy định mang tính pháp lý đối với người thực hiện nhiệm vụ điều tra VAHS nên họ phải chịu trách nhiệm về kết quả, chất lượng điều tra và hậu quả pháp lý trong điều tra VAHS.

Nhằm xác định vị trí, vai trò của ĐTV, Bộ luật TTHS năm 1988 và Pháp lệnh Tổ chức ĐTHS năm 1989 đã quy định tên gọi “Điều tra viên” để chỉ người trực tiếp tiến hành hoạt động điều tra trong CQĐT, xác định ĐTV là “người tiến hành tố tụng”, đồng thời quy định rõ thẩm quyền cũng như tiêu chuẩn, thủ tục, bổ nhiệm ĐTV.

Theo quy định của Bộ luật TTHS năm 1988 thì ĐTV được phân công điều tra VAHS (toàn bộ hay một phần vụ án) *“có quyền tiến hành một số biện pháp điều tra do Bộ luật này quy định và phải chịu trách nhiệm về những hoạt động điều tra của mình”* [36, Điều 94]. Tuy nhiên, luật không chỉ rõ những biện pháp điều tra nào thuộc thẩm quyền của ĐTV. Những hành vi tố tụng thông thường do ĐTV thực hiện trong giai đoạn điều tra VAHS bao gồm: Hỏi cung bị can; Lấy lời khai người làm chứng, người bị hại; Đối chất; Nhận dạng; Khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản; Khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra, tham dự giám định. Trên thực tế, ĐTV chỉ được tiến hành một số biện pháp điều tra nhất định. Các biện pháp điều tra cơ bản là thủ tục bắt buộc của quá trình tố tụng được thể hiện bằng các lệnh, quyết định thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng CQĐT. Bộ luật TTHS năm 1988 cũng không quy định rõ một số biện pháp điều tra thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng CQĐT hay của ĐTV như: Triệu tập người làm chứng (Điều 109); triệu tập

người bị hại (Điều 112); triệu tập bị can (Điều 106); thu giữ thư tín, điện tín, bưu điện, bưu phẩm tại bưu điện (Điều 119); khám nghiệm hiện trường (Điều 125); thực nghiệm điều tra (Điều 128).

Các quy định vừa mâu thuẫn, vừa thiếu rõ ràng như trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến cách hiểu và vận dụng pháp luật một cách đúng đắn, thống nhất, ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của ĐTV, “*ĐTV, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT là các chức danh tư pháp. Hoạt động của họ không tùy nghi, theo sự phân công nội bộ nào đó, mà phải trên cơ sở của pháp luật*” [10, tr.23].

Vì vậy, để khắc phục các khiếm khuyết trên, Bộ luật TTHS năm 2003 đã quy định rất rõ ràng, cụ thể quyền hạn và trách nhiệm của ĐTV khi được phân công điều tra VAHS.

2.1.3. Quy định của pháp luật về vai trò của Điều tra viên từ năm 2003 đến năm 2015

2.1.3.1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ĐTV trong quá trình tiến hành các hoạt động tố tụng trước khi ra Quyết định khởi tố VAHS

Về nguyên tắc, giai đoạn điều tra VAHS được bắt đầu từ khi có Quyết định khởi tố VAHS. Trước khi ra Quyết định khởi tố VAHS, ĐTV có chức năng nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; tiến hành một số biện pháp điều tra như: Khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, trưng cầu giám định, lấy lời khai người bị hại để kịp thời truy bắt đối tượng, kịp thời thu lượm dấu vết, thu thập thông tin có liên quan đến vụ án... và đề xuất việc ra Quyết định khởi tố hay Quyết định không khởi tố VAHS.

Theo quy định tại Điều 101 Bộ luật TTHS năm 2003 thì:

Công dân có thể tố giác tội phạm với CQĐT, VKS, Tòa án hoặc với các cơ quan khác, tổ chức. Nếu tố giác bằng miệng thì cơ quan, tổ chức tiếp nhận phải lập biên bản và có chữ ký của

người tố giác. Cơ quan, tổ chức khi phát hiện hoặc nhận được tố giác của công dân phải báo tin ngay về tội phạm cho CQĐT bằng văn bản [37, tr.80].

Thông thường công dân trực tiếp đến CQĐT để tố giác tội phạm có thể là người biết hành vi phạm tội xảy ra hoặc có thể là người bị hại, người có liên quan đến hành vi phạm tội. Việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02/8/2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, VKS nhân dân tối cao.

Khi tiếp nhận đơn tố cáo, tài liệu do công dân, cơ quan, tổ chức cung cấp thì ĐTV phải lập Biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, Biên bản phải có chữ ký của người tiếp nhận và người báo tin và vào Sổ tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Ngay sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm thì Thủ trưởng CQĐT phải ra Quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố cho Phó Thủ trưởng CQĐT và ĐTV để tiến hành kiểm tra xác minh xem có hay không dấu hiệu tội phạm, việc kiểm tra xác minh nguồn tin trên có thể được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau, tùy thuộc vào tính chất sự việc.

Khi ĐTV được phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố thì có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Lập hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố; b) Triệu tập và lấy lời khai của những người có liên quan nhằm kiểm tra, xác minh nguồn tin; c) Tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng; d) Tiến hành các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan điều tra [7, Điều 10, Khoản 3, tr.6-7].

Khi tiến hành các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của CQĐT theo sự phân công của Thủ trưởng CQĐT thì Điều tra viên còn có những nhiệm vụ, quyền hạn sau: Thực hiện việc trưng cầu giám định, định giá. Chủ trì việc khai quật tử thi. Trực tiếp tiến hành các biện pháp kiểm tra, xác minh nguồn tin. Yêu cầu cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội hoặc công dân cung cấp thêm tài liệu cần thiết liên quan đến tội phạm và giải thích rõ những vấn đề liên quan khác như: vì sao biết sự việc đó, và những vấn đề khác liên quan.

Sau khi tiến hành kiểm tra, xác minh những nguồn tin về tội phạm các tài liệu có liên quan trong thời gian luật định, nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì ĐTV phải báo cáo đề xuất Thủ trưởng CQĐT ra Quyết định khởi tố VAHS. Trường hợp không có dấu hiệu tội phạm, tức là có một trong những căn cứ quy định tại Điều 100, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 143, Bộ luật TTHS năm 2015) hoặc không có yêu cầu của người bị hại đối với một số tội phạm theo quy định tại Điều 105, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 155, Bộ luật TTHS năm 2015) thì báo cáo đề xuất ra Quyết định không khởi tố VAHS.

2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Điều tra viên trong quá trình điều tra VAHS

Quyền hạn và nghĩa vụ của ĐTV chỉ phát sinh khi họ được Thủ trưởng CQĐT phân công điều tra VAHS và trong khi tiến hành các hoạt động điều tra và chỉ có quyền và nghĩa vụ trong phạm vi VAHS mà ĐTV được phân công điều tra, chứ không phải tất cả các VAHS đang được CQĐT thụ lý.

Quyền và nghĩa vụ của ĐTV chấm dứt khi kết thúc giai đoạn điều tra bằng Bản kết luận điều tra đề nghị truy tố bị can. Trường hợp cá biệt, quyền và nghĩa vụ của ĐTV chấm dứt khi vụ án tạm đình chỉ hoặc đình chỉ. Nếu vụ án được phục hồi điều tra thì quyết định phục hồi điều tra vụ án là cơ sở pháp lý khôi phục lại các quyền và nghĩa vụ của ĐTV trong các hoạt động điều tra. Khi ĐTV bị thay đổi theo Điều 44, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 51, Bộ luật

TTHS năm 2015) hoặc do yêu cầu, nhiệm vụ trong nội bộ CQĐT thì quyết định thay đổi ĐTV điều tra vụ án của Thủ trưởng CQĐT là cơ sở chấm dứt quyền và nghĩa vụ của ĐTV này, đồng thời là cơ sở phát sinh quyền và nghĩa vụ của ĐTV khác được phân công thay thế.

a. Quyền hạn của Điều tra viên

Trong quá trình điều tra VAHS, tùy tình huống điều tra cụ thể của vụ án, ĐTV có thể tiến hành những hoạt động điều tra nhất định mà không nhất thiết phải tiến hành tất cả các hoạt động điều tra thuộc thẩm quyền của mình.

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 35, Bộ luật TTHS năm 2003 (Khoản 1, Điều 37, Bộ luật TTHS năm 2015), ĐTV có những nhiệm vụ và quyền hạn sau trong khi điều tra giải quyết VAHS:

* Lập hồ sơ vụ án hình sự.

Hồ sơ VAHS là tập hợp những tài liệu, vật chứng được hình thành hoặc được thu thập trong quá trình điều tra vụ án theo trình tự, thủ tục do Bộ luật TTHS quy định nhằm phục vụ cho việc giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện.

Trong quá trình điều tra và lập hồ sơ vụ án, ĐTV không được tự ý thêm bớt, sửa đổi, đánh tráo, hủy hoặc bằng các thủ đoạn khác làm hư hỏng tài liệu, vật chứng của vụ án, làm cho hồ sơ vụ án bị sai lệch, không phù hợp với thực tế mà vụ án đó xảy ra. ĐTV có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “làm sai lệch hồ sơ vụ án” theo Điều 300 Bộ luật hình sự năm 1999 (Điều 375 Bộ luật hình sự năm 1999).

* Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, đơn nguyên dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Về quyền triệu tập trong TTHS, Bộ luật TTHS năm 1988 không quy định rõ thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng CQĐT hay của ĐTV. Trên thực tế ĐTV chỉ được đề xuất đối tượng cần triệu tập. Thủ trưởng CQĐT sẽ quyết

định và ký giấy triệu tập. Trong nhiều trường hợp, hoạt động triệu tập mang tính cấp bách nhằm cung cấp ngay những thông tin, tài liệu phục vụ truy bắt đối tượng, truy thu vật chứng... *“Do vậy, nếu chỉ để Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT quyết định việc triệu tập sẽ làm chậm tiến độ điều tra, mất thời cơ tiến công tội phạm”* [10, tr.24]. Khắc phục hạn chế đó, Bộ luật TTHS năm 2003 đã trao quyền triệu tập bị can; triệu người làm chứng, người bị hại, đơn nguyên dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cho ĐTV và Bộ luật TTHS năm 2015 tiếp tục ghi nhận ĐTV có quyền này.

Việc triệu tập phải được tiến hành tuân theo trình tự, thủ tục quy định tại các điều luật tương ứng: Triệu tập bị can; triệu người làm chứng; triệu tập người bị hại, đơn nguyên dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án - Điều 129, 133, 137 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 182, 185, 188, Bộ luật TTHS năm 2015).

Hỏi cung bị can là một biện pháp điều tra theo trình tự luật định đối với bị can, nó mang tính chất công khai và trực diện nhằm phát hiện, thu thập và củng cố chứng cứ từ việc lấy lời khai của bị can, làm rõ các tình tiết có liên quan đến vụ án, phục vụ công tác điều tra, xử lý đối với VAHS đó. Việc hỏi cung bị can do ĐTV tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can. Nhưng pháp luật TTHS *“không quy định rõ “tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can” là tiến hành sau đó bao nhiêu thời gian (ngày, giờ)”* [10, tr.25]. Thực tiễn điều tra cho thấy, việc khẩn trương tiến hành hỏi cung bị can sẽ sớm làm rõ sự thật về hành vi phạm tội của bị can, giúp cho công tác điều tra xử lý được nhanh chóng, khẩn trương; sau khi có quyết định khởi tố bị can sẽ tạo điều kiện cho bị can sớm thực hiện được các quyền đưa ra chứng cứ; yêu cầu, thực hiện quyền bào chữa... giúp cho công tác điều tra được khách quan, toàn diện. *“Do vậy, có thể hiểu là việc hỏi cung bị can phải được tiến hành càng sớm càng tốt sau khi có quyết định khởi tố bị can”* [10, tr.25].

Thực chất của hoạt động hỏi cung bị can là cuộc đấu tranh về ý chí và lí trí của ĐTV và bị can, do đó để hoạt động này đạt hiệu quả cao “*đòi hỏi ĐTV phải có trình độ văn hoá, pháp luật, nghiệp vụ cao, có kiến thức sâu rộng về xã hội, tâm lí, có kinh nghiệm trong công tác hỏi cung và luôn xác định rõ mục đích, nhiệm vụ, những biện pháp, phương tiện cần sử dụng để đạt được mục đích đề ra*” [24, tr.159-160]. Trên cơ sở những vấn đề như: nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, nhân thân, lập kế hoạch hỏi cung bị can, những tài liệu chứng cứ đã thu thập được... ĐTV cần dự kiến chiến thuật hỏi cung cho phù hợp với tình huống có thể nảy sinh trong quá trình hỏi cung.

Việc hỏi cung bị can phải được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 131, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 183, Bộ luật TTHS năm 2015).

Lấy lời khai người làm chứng là một biện pháp điều tra của ĐTV nhằm thu thập chứng cứ, xác định các tình tiết của VAHS một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ thông qua hoạt động ghi nhận lời khai của người biết được những thông tin, tài liệu có liên quan đến VAHS, có nghĩa vụ giúp CQĐT làm rõ vụ án.

Việc lấy lời khai người làm chứng phải được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 135, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 186, Bộ luật TTHS năm 2015). Khi lấy lời khai người làm chứng, ĐTV không được bức cung, mớm cung và dùng nhục hình. Nếu ĐTV trong quá trình lấy lời khai người làm chứng mà bức cung, mớm cung hoặc làm nhục hình thì tùy theo tính chất và hậu quả vi phạm có thể chịu trách nhiệm hình sự về các tội: Tội dùng nhục hình (Điều 298 Bộ luật hình sự năm 2009); tội bức cung (Điều 299 Bộ luật hình sự năm 2009).

Biên bản ghi lời khai của người làm chứng phải được lập theo quy định tại các Điều 95, 125, 132 của Bộ luật TTHS năm 2003 (các Điều 132, 133, 178, 187, Bộ luật TTHS năm 2015).

Lấy lời khai của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được tiến hành theo trình tự, thủ tục như đối với người làm chứng, quy định tại các Điều 133, 135, 136, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 188, Bộ luật TTHS năm 2015).

Theo quy định tại Bộ luật TTHS năm 2015 thì “*Đương sự gồm nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến VAHS*” [38, Điều 4, Khoản 1, tr.10].

Biên bản ghi lời khai của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến VAHS cũng được lập theo thủ tục chung, được quy định tại Điều 95, 125, 132, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 132, 133, 187, Bộ luật TTHS năm 2015).

* Quyết định áp giải bị can, quyết định dẫn giải người làm chứng.

Áp giải bị can tại ngoại và *dẫn giải người làm chứng* là những thẩm quyền của ĐTV được quy định trong Bộ luật TTHS năm 2003 và được Bộ luật TTHS năm 2015 tiếp tục ghi nhận. Tuy việc áp giải bị can tại ngoại và dẫn giải người làm chứng đã được quy định tại Bộ luật TTHS năm 1988, “*song không quy định rõ thẩm quyền áp dụng cũng như trình tự, thủ tục của việc áp dụng các biện pháp này, nên trong thực tiễn thi hành nảy sinh nhiều vướng mắc, bất cập*” [10, tr.26]. Để khắc phục tình trạng trên, Bộ luật TTHS năm 2003 đã quy định rõ việc áp dụng các biện pháp áp giải bị can tại ngoại và dẫn giải người làm chứng thuộc quyền hạn của ĐTV, đồng thời bổ sung thêm những nội dung mới về trình tự, thủ tục tiến hành.

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 129, Bộ luật TTHS năm 2003 (Khoản 3, Điều 182, Bộ luật TTHS năm 2015) thì ĐTV có thể xảy ra quyết định áp giải đối với bị can đã được triệu tập mà vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc có biểu hiện trốn tránh.

Nội dung của quyết định áp giải bị can cũng như trình tự, thủ tục thi hành quyết định áp giải được quy định tại Điều 130 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 127, Bộ luật TTHS năm 2015).

Dẫn giải người làm chứng là biện pháp cưỡng chế do ĐTV áp dụng để buộc người biết các tình tiết liên quan đến VAHS phải đến để khai báo nếu người đó đã được triệu tập mà cố ý không đến khi không có lý do chính đáng, gây trở ngại cho việc điều tra vụ án.

Việc dẫn giải người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 134 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 127, Bộ luật TTHS năm 2015).

* Thi hành lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản.

Bắt, tạm giữ, tạm giam, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản là các biện pháp ngăn chặn và các biện pháp cưỡng chế được pháp luật TTHS quy định thuộc quyền hạn áp dụng của Thủ trưởng CQĐT. Tuy nhiên, không thể phủ nhận vai trò của ĐTV trong việc áp dụng các biện pháp này. Trong giai đoạn điều tra VAHS, trên cơ sở nghiên cứu kỹ các tình tiết, diễn biến của vụ án cũng như các chứng cứ thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật, nếu có đầy đủ căn cứ, ĐTV có quyền đề xuất ý kiến đối với Thủ trưởng CQĐT quyết định áp dụng và có trách nhiệm tổ chức thi hành các lệnh, quyết định đó của Thủ trưởng CQĐT.

Theo quy định tại Điểm e, Khoản 1, Điều 37, Bộ luật TTHS năm 2015, ĐTV được giao thêm quyền thi hành lệnh hoặc quyết định phong tỏa tài khoản, xử lý vật chứng; sửa đổi quy định bắt người trong trường hợp khẩn cấp thành giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Bắt, tạm giữ, tạm giam là các biện pháp ngăn chặn mang tính cưỡng chế nghiêm khắc nhất trong hệ thống các biện pháp ngăn chặn của TTHS. Việc bắt, tạm giữ, tạm giam liên quan trực tiếp đến quyền tự do thân thể của công

dân được pháp luật bảo vệ. Việc bắt, tạm giữ, tạm giam đúng quy định của pháp luật “*sẽ ngăn chặn được tội phạm, thúc đẩy tiến độ điều tra đồng thời tạo điều kiện cho hoạt động điều tra đạt hiệu quả cao nhất. Ngược lại, mọi vi phạm pháp luật dù nhỏ nhất cũng để lại những hậu quả nặng nề*” [10, tr.27]. Vì vậy, trong điều tra VAHS khi đề xuất áp dụng các biện pháp này ĐTV phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, đảm bảo căn cứ theo quy định của pháp luật đối với từng trường hợp cụ thể được quy định tại các Điều 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, Bộ luật TTHS năm 2003 (các Điều 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, Bộ luật TTHS năm 2015).

Khi thi hành lệnh bắt người phải bảo đảm nguyên tắc triệt để tuân theo pháp luật, ĐTV phải chấp hành nghiêm chỉnh trình tự, thủ tục của việc bắt người trong các trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật TTHS: Bắt bị can, bị cáo để tạm giam phải tuân thủ quy định tại Điều 80, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 113, Bộ luật TTHS năm 2015); bắt khẩn cấp phải tuân thủ quy định tại Điều 81, Bộ luật TTHS năm 2003 (giữ người trong trường hợp khẩn cấp quy định tại Điều 110, Bộ luật TTHS năm 2015); bắt người phạm tội quả tang hoặc truy nã theo quy định tại Điều 82, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 111, Điều 112, Bộ luật TTHS năm 2015). Trong mọi trường hợp bắt người, ĐTV đều phải lập biên bản theo quy định tại Điều 84, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 115, Bộ luật TTHS năm 2015). Sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người hoặc nhận người bị bắt, giữ ĐTV phải thực hiện ngay những điều cần làm theo quy định tại Điều 83 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 114, Bộ luật TTHS năm 2015).

Khi thi hành lệnh tạm giữ, phải giải thích quyền và nghĩa vụ cho người bị tạm giữ theo Điều 48, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 59, Bộ luật TTHS năm 2015). Việc tạm giữ phải tuân theo quy định tại Điều 86, 87 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 117, 118, Bộ luật TTHS năm 2015).

Khi thi hành lệnh tạm giam bị can, ĐTV phải kiểm tra tử mỷ, cụ thể lý lịch, nhân thân của người bị tạm giam; phải thông báo cho gia đình người bị tạm giam, chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức nơi bị can cư trú hoặc làm việc, học tập biết về việc tạm giam bị can. Trong khi tạm giam, nếu thấy không cần thiết phải tiếp tục tạm giam thì đề xuất với Thủ trưởng CQĐT đề nghị VKS hủy bỏ biện pháp tạm giam, trả tự do cho bị can hoặc áp dụng biện pháp ngăn chặn khác. Khi hết thời hạn tạm giam mà không gia hạn tạm giam nữa thì ĐTV đề xuất Thủ trưởng CQĐT áp dụng biện pháp ngăn chặn nếu cần thiết.

Việc tạm giam bị can phải tuân thủ quy định tại Điều 88 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 119, Bộ luật TTHS năm 2015).

Khám xét là hoạt động điều tra nhằm tìm kiếm dấu vết tội phạm, vật chứng hoặc những đồ vật, tài liệu khác liên quan đến vụ án và nhằm phát hiện người đang bị truy nã. Việc khám xét liên quan trực tiếp đến một số quyền cơ bản của công dân như: quyền bất khả xâm phạm về thân thể, chỗ ở, bí mật về thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm... Việc khám xét chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm của một người đang có công cụ, phương tiện phạm tội, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến VAHS.

Để có căn cứ quyết định việc khám xét, thì ĐTV trong quá trình điều tra VAHS phải thu thập được những tài liệu, chứng cứ chứng minh trong người, chỗ ở, địa điểm của một người đang có công cụ, phương tiện phạm tội, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có, hay phát hiện người đang bị truy nã lẩn trốn ở nhà, địa điểm nhất định nào đó hoặc cần thu thập những tài liệu, đồ vật khác liên quan đến vụ án. Trên cơ sở đó ĐTV đề xuất ý kiến lên Thủ trưởng CQĐT đề nghị ra lệnh khám xét theo thẩm quyền quy định tại Điều 141, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 193, Bộ luật TTHS năm 2015) và sau khi có lệnh ĐTV tổ chức thực hiện lệnh đó.

Pháp luật không quy định cụ thể việc khám xét phải là ĐTV, mà chỉ quy định là “người tiến hành khám xét” là vì ngoài ĐTV, pháp luật TTHS còn quy định số cơ quan khác như Hải quan, Kiểm lâm,... cũng được giao tiến hành một số hoạt động điều tra nhất định, do đó những người thực hiện việc khám xét trong các cơ quan này lại không phải là ĐTV (ĐTV chỉ có trong CQĐT chuyên trách).

Quyền bất khả xâm phạm về thân thể và chỗ ở là một trong những quyền cơ bản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, khi ĐTV thi hành lệnh khám xét phải triệt để tuân thủ theo quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục khám xét trong các trường hợp cụ thể được quy định tại các điều luật tương ứng: Khám người - Điều 142, Bộ luật TTHS năm 2003 (khám xét người - Điều 194, Bộ luật TTHS năm 2015); khám chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm - Điều 143, Bộ luật TTHS năm 2003 (khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện - Điều 195, Bộ luật TTHS năm 2015); tạm giữ đồ vật, tài liệu khi khám xét - Điều 145, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 198, Bộ luật TTHS năm 2015). Trong quá trình khám xét, ĐTV không được có những hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của công dân.

Thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện (cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông).

Là một trong những biện pháp điều tra được ĐTV thực hiện trong quá trình điều tra giải quyết VAHS khi thấy có căn cứ cho rằng thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện (cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông) có liên quan đến VAHS thì ĐTV đề xuất báo cáo với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra ra Lệnh thu giữ. ĐTV khi được giao thi hành Lệnh thu giữ phải thông báo cho người phụ trách cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông có liên quan trước khi tiến hành thu giữ. Khi tiến hành thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông phải

có đại diện của cơ quan, tổ chức đó chứng kiến và ký xác nhận vào biên bản; ĐTV phải lập biên bản thu giữ theo đúng quy định tại Điều 95 và Điều 125, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 133 và Điều 178, Bộ luật TTHS năm 2015).

Sau khi thi hành Lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, ĐTV phải thông báo cho người có thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm biết. Nếu việc thông báo này gây cản trở hoạt động điều tra, thì sau khi sự cản trở đó không còn nữa ĐTV phải thông báo cho người có thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm biết. Đối với thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm ở trong người, chỗ ở, chỗ làm việc hay địa điểm đang tiến hành khám xét, ĐTV có quyền bóc ra xem xét, kiểm tra.

Khi thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm bị thu giữ, ĐTV được giao quản lý phải bảo quản nguyên vẹn, không đánh tráo, cất giấu hoặc hủy hoại, nếu ĐTV vi phạm thì bị xử lý theo quy định tại Điều 310, Bộ luật hình sự năm 1999 (Điều 385, Bộ luật hình sự năm 2015).

Bộ luật TTHS năm 2015 đã bổ sung thẩm quyền thu giữ phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử cho ĐTV (Điều 196)

Việc thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông) phải tuân thủ theo quy định tại Điều 144, Điều 147, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 197, Điều 199, Bộ luật TTHS năm 2015) và phải lập biên bản theo quy định tại Điều 148, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 133, Điều 178, Bộ luật TTHS năm 2015).

Kê biên tài sản, là một hoạt động được ĐTV thực hiện trong quá trình điều tra giải quyết VAHS nhằm đảm bảo cho việc thi hành các bản án liên quan đến tịch thu tài sản, phạt tiền cũng như bồi thường thiệt hại do người phạm tội gây ra đối với tội mà Bộ luật hình sự quy định.

Trong giai đoạn điều tra, việc kê biên tài sản cần được tiến hành khẩn trương và lệnh kê biên tài sản của người có thẩm quyền quy định tại Khoản 1,

Điều 80, Bộ luật TTHS năm 2003 (Khoản 1, Điều 113, Bộ luật TTHS năm 2015) ĐTV phải thi hành ngay, không cần phê chuẩn của VKS mà chỉ cần thông báo ngay cho VKS cùng cấp trước khi thi hành.

Kê biên tài sản không phải là một biện pháp điều tra hay cưỡng chế trong TTHS, nhưng nó lại được ĐTV tiến hành trong giao đoạn điều tra VAHS và chỉ được áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định có thể bị tịch thu tài sản hoặc phạt tiền cũng như đối với người phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Trong điều tra VAHS, ĐTV thấy cần thiết phải kê biên tài sản của họ thì đề xuất Thủ trưởng CQĐT ra lệnh kê biên tài sản.

Do việc kê biên tài sản có liên quan đến quyền sở hữu của công dân đối với tài sản, cho nên ĐTV chỉ kê biên phần tài sản tương ứng với mức có thể bị tịch thu, phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại. Việc xác định mức tương ứng cần được ĐTV dựa vào các quy định của Bộ luật hình sự được áp dụng đối với tội phạm cụ thể đó và không kê biên những tài sản cần thiết tối thiểu cho cuộc sống hàng ngày của họ và gia đình họ.

Việc kê biên tài sản và biên bản kê biên tài sản phải tuân thủ theo quy định tại Điều 146, 95, 125, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 128, 178, Bộ luật TTHS năm 2015).

* Tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra.

Khám nghiệm hiện trường là biện pháp điều tra do ĐTV tiến hành, nhằm phát hiện dấu vết, vật chứng của tội phạm và làm rõ các tình tiết ở hiện trường có ý nghĩa đối với việc giải quyết VAHS, đồng thời cũng là “*một biện pháp nghiệp vụ áp dụng khoa học, kỹ thuật giúp cơ quan Công an trong công tác điều tra, khám phá tội phạm, phục vụ cho việc xác định sự thật vụ án và yêu cầu nghiệp vụ của ngành Công an*” [44, tr.388].

Thông thường các hoạt động điều tra chỉ được tiến hành sau khi có Quyết định khởi tố VAHS, khám nghiệm hiện trường tuy là hoạt động điều tra nhưng pháp luật TTHS cho phép tiến hành trước khi có Quyết định khởi tố VAHS.

Hiện trường là nơi xảy ra tội phạm hoặc nơi phát hiện tội phạm mà ở đó chứa đựng dấu vết của tội phạm hoặc các tài liệu liên quan tới vụ án cần phải thu thập. Thông qua khám nghiệm hiện trường CQĐT, ĐTV có thể bước đầu xác định tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm, thời gian, không gian nơi xảy ra vụ án cũng như công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm hoặc những tình tiết khác giúp cho việc giải quyết vụ án được đúng đắn, nhanh chóng. Cơ quan điều tra trực tiếp là ĐTV chịu trách nhiệm về tổ chức và chủ trì công tác khám nghiệm tại hiện trường đối với vụ án và vụ việc có dấu hiệu tội phạm.

Về mặt thủ tục, trước khi tiến hành khám nghiệm hiện trường, ĐTV phải thông báo cho VKS cùng cấp biết, KSV phải có mặt để kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường. Trong mọi trường hợp, khi khám nghiệm hiện trường ĐTV phải mời người chứng kiến, có thể để cho bị can, người bị hại, người làm chứng hoặc mời người có chuyên môn tham dự việc khám nghiệm.

Việc khám nghiệm hiện trường và biên bản khám nghiệm hiện trường phải tuân thủ theo quy định tại Điều 150, 154, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 201, 178, Bộ luật TTHS năm 2015).

Khám nghiệm tử thi là biện pháp điều tra do giám định viên pháp y tiến hành, dưới sự chủ trì của ĐTV, nhằm phát hiện dấu vết, vật chứng của tội phạm và làm rõ các tình tiết ở trên người chết và nguyên nhân dẫn đến chết, có ý nghĩa đối với việc giải quyết VAHS, đồng thời cũng là một biện pháp nghiệp vụ áp dụng khoa học, kỹ thuật giúp cơ quan Công an trong công tác điều tra, khám phá tội phạm, phục vụ cho việc xác định sự thật vụ án và yêu cầu nghiệp vụ của ngành Công an.

Tử thi có thể là người mới chết chưa chôn hoặc người chết đã được

chôn nhưng cần phải khai quật để khám nghiệm. Thông thường các hoạt động điều tra chỉ được tiến hành sau khi có Quyết định khởi tố VAHS, khám nghiệm tử thi tuy là hoạt động điều tra nhưng pháp luật TTHS cho phép tiến hành trước khi có Quyết định khởi tố VAHS. Việc khám nghiệm tử thi do giám định viên pháp y tiến hành, dưới sự chủ trì của ĐTV và có người chứng kiến. Theo quy định tại Khoản 2, Điều 202, Bộ luật TTHS năm 2015 thì có thể mời giám định viên kỹ thuật hình sự tham gia khám nghiệm tử thi để phục vụ việc giám định.

Về mặt thủ tục, trước khi tiến hành khám nghiệm tử thi, ĐTV phải thông báo cho VKS cùng cấp biết về thời gian và địa điểm, KSV phải có mặt để kiểm sát việc khám nghiệm tử thi. Trường hợp cần khai quật tử thi thì ĐTV báo cáo đề xuất Thủ trưởng CQĐT quyết định khai quật tử thi và phải thông báo cho người thân thích của người chết hoặc chính quyền xã, phường, thị trấn nơi chôn tử thi biết trong trường hợp người chết không có hoặc không xác định được người thân thích.

Việc khám nghiệm tử thi và biên bản khám nghiệm tử thi phải tuân thủ theo quy định tại Điều 151, 154, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 202, 178, Bộ luật TTHS năm 2015).

Đối chất là biện pháp điều tra do ĐTV tiến hành dưới hình thức cho hai hay nhiều người cùng một lúc tham gia tranh luận và chất vấn lẫn nhau nhằm làm rõ những tình tiết mâu thuẫn trong lời khai trước đó của họ mà đã tiến hành các biện pháp điều tra khác nhưng chưa giải quyết được mâu thuẫn và xác định sự thật của VAHS.

Đối chất là phương tiện bổ sung, là phương pháp tác động đặc biệt đối với người khai báo sai sự thật. Trong hoạt động đối chất, ĐTV là người có sự chuẩn bị kỹ càng, là người có điều kiện chủ động trong hoạt động đối chất. Đây là cơ sở để ĐTV đạt được mục đích của đối chất; củng cố ý chí của

người đối chất thứ hai, kích thích họ chủ động hoàn thành vai trò của họ trong đối chất. Các quan hệ mâu thuẫn chủ quan chỉ có thể bị loại trừ trong trường hợp nếu khi đối chất có một trong những người tham gia đối chất đã thừa nhận sự khai gian dối về những sự kiện đã xảy ra.

Mặc dù đối chất là sự trực tiếp tranh luận, tiếp xúc giữa các bên có mâu thuẫn trong lời khai, tuy nhiên vai trò của ĐTV trong hoạt động này là rất quan trọng. ĐTV là người đóng vai trò điều khiển trong đối chất, là trọng tài, lắng nghe các bên đối chất, đưa ra kết luận cuối cùng. Trong đối chất, ĐTV có vai trò điều khiển mà không phải là vai trò chủ đạo như trong hoạt động hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, người bị hại.

Việc đối chất và biên bản đối chất phải được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 138, 95, 125, 132 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 189, 178, Bộ luật TTHS năm 2015).

Nhận dạng là biện pháp điều tra do ĐTV thực hiện bằng cách đưa người hoặc đồ vật, hoặc ảnh cho người làm chứng, người bị hại hoặc bị can trực tiếp nhìn ngắm để họ chỉ ra có hay không người, vật, ảnh mà họ nhìn thấy trước đó. Nhận dạng cũng có thể tiến hành bằng cách cho người làm chứng, người bị hại, bị can trực tiếp nghe lại giọng nói, âm thanh để họ xác nhận đúng hay không đúng giọng nói của người mà họ đã nghe thấy trước đó.

Bộ luật TTHS năm 2015, quy định việc nhận biết giọng nói tại một điều luật riêng (Điều 191) và quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, hoạt động khi ĐTV tiến hành nhận biết giọng nói.

Để nhận dạng, ĐTV phải đưa ra ít nhất là ba người, ảnh hoặc vật và bề ngoài phải tương tự nhau (trừ trường hợp nhận dạng tử thi). Trong quá trình nhận dạng ĐTV không được đặt câu hỏi gợi ý.

Việc nhận dạng và biên bản nhận dạng được tiến hành theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 139, 95, 125, 132 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 190, 178, Bộ luật TTHS năm 2015).

Thực nghiệm điều tra là hoạt động điều tra do ĐTV tiến hành bằng cách cho dựng lại hiện trường, diễn lại hành vi, tình huống hoặc mọi tình tiết khác của một sự việc nhất định và tiến hành các hoạt động thực nghiệm cần thiết nhằm kiểm tra và xác minh những tài liệu, tình tiết có ý nghĩa của VAHS. Việc thực nghiệm điều tra do ĐTV chủ động tiến hành và không nhất thiết phải tiến hành đối với tất cả các VAHS.

Trước khi tiến hành thực nghiệm điều tra ĐTV phải chuẩn bị đầy đủ các công cụ, phương tiện để phục vụ cho việc thực nghiệm. Khi tiến hành thực nghiệm điều tra ĐTV phải mời người chứng kiến, trường hợp cần thiết có thể cho người bị tạm giữ, bị can, người bị hại, người làm chứng tham gia.

Theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 204, Bộ luật TTHS năm 2015 thì ĐTV phải thông báo về thời gian, địa điểm cho VKS cùng cấp biết trước khi tiến hành thực nghiệm điều tra và KSV phải có mặt để kiểm sát việc thực nghiệm điều tra. Và khi tiến hành thực nghiệm điều tra có thể mời người có chuyên môn tham gia.

Việc thực nghiệm điều tra và biên bản thực nghiệm điều tra phải được tiến hành theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 153, 154, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 204, 178, Bộ luật TTHS năm 2015).

e. Tiến hành các hoạt động điều tra khác thuộc thẩm quyền của CQĐT theo sự phân công của Thủ trưởng CQĐT.

Đây là “quy định mở” của pháp luật TTHS, do nhà làm luật thấy không cần thiết phải thống kê hết các hoạt động điều tra thuộc quyền hạn của ĐTV hoặc không dự liệu hết các tình huống xảy ra trong thực tế. Như vậy, đối với những hoạt động điều tra không được thống kê tại Khoản 1, Điều 35, Bộ luật TTHS năm 2003 (Khoản 1, Điều 37, Bộ luật TTHS năm 2015) thì ĐTV có quyền tiến hành theo sự phân công của Thủ trưởng CQĐT.

Điểm đáng chú ý ở Khoản 1, Điều 35, Bộ luật TTHS năm 2003, các

nhóm quyền của ĐTV nhằm phát hiện, thu thập và kiểm tra chứng cứ mà không cần lệnh, quyết định của Thủ trưởng CQĐT là việc xem xét dấu vết trên thân thể (Điều 152) và quyền tham dự giám định (Điều 156) chưa được thể hiện trong điều luật (không quy định ĐTV có hai quyền hạn này).

Xem xét dấu vết trên thân thể là hoạt động điều tra do ĐTV tiến hành nhằm phát hiện trên thân thể người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, người bị hại, người làm chứng để phát hiện dấu vết của tội phạm hoặc các dấu vết khác có ý nghĩa đối với vụ án. Theo quy định tại Điều 152 Bộ luật TTHS năm 2003 thì việc xem xét dấu vết trên thân thể thuộc quyền hạn của ĐTV. Tương tự như vậy, Điều 156, Bộ luật TTHS năm 2003 quy định ĐTV có quyền tham dự giám định. Việc tham dự giám định giúp cho ĐTV có thể sớm biết những nhận định của Giám định viên về xem xét, tổng hợp các chứng cứ khác trong vụ án để có hướng điều tra tiếp theo, đẩy nhanh tiến độ giải quyết VAHS.

Như vậy, đã có sự mâu thuẫn giữa Điều 35 với các Điều 152, 156 Bộ luật TTHS năm 2003 mà nguyên nhân là do Điều 35 Bộ luật TTHS năm 2003 đã không thống kê hết các quyền hạn của ĐTV trong Bộ luật TTHS nói chung.

Khắc phục một phần thiếu sót trên, Điểm g, Khoản 1, Điều 37, Bộ luật TTHS năm 2015 đã ghi nhận trong điều luật, giao cho ĐTV thêm quyền tiến hành khai quật tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể. Còn quyền tham dự giám định theo Điều 156, Bộ luật TTHS năm 2003 (Khoản 1, Điều 209, Bộ luật TTHS năm 2015) chưa được ghi nhận tại Khoản 1, Điều 37, Bộ luật TTHS năm 2015.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra VAHS, theo quy định của Pháp lệnh Tổ chức ĐTHS năm 2004 (Điều 62, Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015) ĐTV còn được pháp luật TTHS giao cho quyền sau:

Trong trường hợp cấp thiết, để ngăn chặn hành động phạm tội, đuổi bắt người phạm tội, cấp cứu người bị nạn, ĐTV được huy động, sử dụng phương

tiện giao thông, thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức và cá nhân, kể cả người điều khiển phương tiện ấy, trừ các phương tiện của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan của tổ chức quốc tế và của những người được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự ...[39, Điều 36, Khoản 2, tr.47-48].

Pháp lệnh Tổ chức ĐTHS cũng quy định “*ĐTV được ưu tiên mua vé đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng; miễn phí cầu, phà, đường; miễn phí cước giao thông trong thành phố, thị xã*” [39, Điều 36, Khoản 2, tr.47].

Trên thực tế, mặc dù pháp luật TTHS không quy định nhưng ĐTV còn có quyền đề xuất áp dụng các hoạt động điều tra thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng CQĐT để Thủ trưởng CQĐT quyết định, có quyền kiến nghị về quyết định của Thủ trưởng CQĐT khi thấy quyết định của Thủ trưởng CQĐT không đúng pháp luật hoặc không phù hợp, không cần thiết cho việc điều tra giải quyết VAHS.

b. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Điều tra viên

Bên cạnh những quyền hạn được quy định trong pháp luật TTHS, ĐTV còn có nghĩa vụ thực hiện đúng các quy định pháp luật TTHS khi tiến hành điều tra VAHS.

Trước hết, là người tiến hành tố tụng nên ĐTV có những nghĩa vụ chung mà pháp luật TTHS quy định đối với người tiến hành tố tụng. Những nghĩa vụ này bao gồm:

- Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân. Trong phạm vi quyền hạn của mình, ĐTV phải thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp đã áp dụng, đồng thời phải kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi những biện pháp đó nếu xét thấy không còn cần thiết nữa hoặc có vi phạm pháp luật. Đây cũng là một nguyên tắc cơ bản quan trọng, quy định tại Điều 4, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 8, Bộ luật TTHS năm 2015).

- Trong khi tiến hành điều tra VAHS, ĐTV phải nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm về những hành vi và quyết định của mình. Đây cũng là một nguyên tắc cơ bản quan trọng, quy định tại Điều 12 và Khoản 2 Điều 35 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 17, Điều 19 và Khoản 2, Điều 37, Bộ luật TTHS năm 2015).

- Đảm bảo cho các cơ quan, tổ chức và công dân thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Trong quá trình điều tra VAHS, ĐTV phải tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, công dân tham gia TTHS; phải trả lời, thông báo cho người, cơ quan, tổ chức đã cung cấp thông tin hoặc kiến nghị khởi tố biết kết quả giải quyết. Đây cũng là một nguyên tắc cơ bản quan trọng, quy định tại Khoản 2 Điều 25 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 5, Bộ luật TTHS năm 2015).

- Đảm bảo quyền bào chữa cho bị can, bị cáo, người bị tạm giữ, người bị bắt, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến VAHS. Trong phạm vi thẩm quyền của mình ĐTV có nghĩa vụ báo cáo, đề xuất với Thủ trưởng CQĐT yêu cầu Đoàn luật sư phân công Luật sư cử người bào chữa cho bị can trong trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa mà bị can hoặc người đại diện hợp pháp của họ không nhờ tới người bào chữa. ĐTV phải báo trước cho người bào chữa về thời gian, địa điểm hỏi cung bị can để người bào chữa có mặt khi hỏi cung bị can, tạo điều kiện thuận lợi để người bào chữa đọc, ghi chép và sao chụp tài liệu, hồ sơ VAHS khi kết thúc điều tra. Đây cũng là một nguyên tắc cơ bản quan trọng, quy định tại Điều 11, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 16, Bộ luật TTHS năm 2015).

- Đảm bảo quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật. Khi tiến hành điều tra VAHS, ĐTV không được phân biệt nam, nữ, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội... Bất cứ người nào phạm tội đều

bị xử lý theo pháp luật. Đây cũng là một nguyên tắc cơ bản quan trọng, quy định tại Điều 5, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 9, Bộ luật TTHS năm 2015).

- Đảm bảo quyền được bồi thường của người bị thiệt hại; quyền khiếu nại, tố cáo trong TTHS. Trong điều tra giải quyết VAHS, CQĐT, ĐTV có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra oan, trái pháp luật do CQĐT, ĐTV gây ra và phải có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng pháp luật. ĐTV không được trả thù người khiếu nại, tố cáo. Đây cũng là nguyên tắc cơ bản quan trọng, quy định tại Điều 29, 30, 31, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 31, 32, Bộ luật TTHS năm 2015).

Thứ hai, bên cạnh những nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng nói chung, ĐTV còn có những nghĩa vụ riêng đặc thù của mình với tư cách là người tiến hành tố tụng độc lập khi điều tra VAHS, bao gồm:

- ĐTV phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi nếu có một trong các căn cứ quy định tại Điều 44, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 51, Bộ luật TTHS năm 2015).

- ĐTV có nghĩa vụ chấp hành sự phân công, chỉ đạo của Thủ trưởng CQĐT theo quy định tại Điều 34, 35, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 36, 37, Bộ luật TTHS năm 2015).

- ĐTV có nghĩa vụ thực hiện các yêu cầu và quyết định của VKS thực hiện quyền công tố trong giai đoạn điều tra VAHS. Nếu những yêu cầu và quyết định đó liên quan, thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng CQĐT thì ĐTV báo cáo và đề xuất Thủ trưởng CQĐT quyết định theo quy định tại Điều 114, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 167, Bộ luật TTHS năm 2015).

- ĐTV có nghĩa vụ không được tiết lộ bí mật điều tra theo Điều 124, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 177, Bộ luật TTHS năm 2015). Ngoài việc yêu

cầu người tham gia tố tụng không được tiết lộ bí mật điều tra và ghi vào biên bản, ĐTV còn phải tự mình giữ bí mật về công tác điều tra VAHS. Trường hợp tiết lộ bí mật điều tra thì tùy theo tính chất và hậu quả xảy ra, ĐTV có thể bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự về tội danh theo các Điều 263, 264, 286, 287, 327 và 328 Bộ luật hình sự năm 2009 (Điều 337, 338, 361, 362, 404, 405, 406, 407, Bộ luật hình sự năm 2015).

- Theo quy định tại Điều 36, Pháp lệnh Tổ chức ĐTHS năm 2004 (Điều 62, Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015). Khi sử dụng các phương tiện giao thông, thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong trường hợp cấp thiết, ĐTV phải hoàn trả ngay khi tình huống cấp thiết không còn. Nếu các phương tiện đó hư hỏng hoặc mất mát thì ĐTV có trách nhiệm đề nghị CQĐT sửa chữa hoặc bồi thường.

- Trong quá trình điều tra giải quyết VAHS, khi người tham gia tố tụng có yêu cầu về những vấn đề có liên quan đến VAHS thì ĐTV trong phạm vi trách nhiệm của mình phải giải quyết yêu cầu của họ và thông báo cho họ biết kết quả. Trường hợp không chấp nhận yêu cầu của họ thì phải trả lời và nêu rõ lý do, được quy định tại Điều 122, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 175, Bộ luật TTHS năm 2015).

- Trong quá trình điều tra giải quyết VAHS, nếu ĐTV do lỗi của mình đã gây oan cho người vô tội, gây ra thiệt hại cho người bị thiệt hại thì có nghĩa vụ phải bồi thường, bồi hoàn thiệt hại đó theo quy định của pháp luật. Được quy định tại Điều 29, 30, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 31, Bộ luật TTHS năm 2015).

Ngoài ra, ĐTV còn có nghĩa vụ chấp hành những việc ĐTV không được làm theo quy định của Pháp lệnh Tổ chức ĐTHS năm 2004 (Điều 54, Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015):

(1) Những việc mà pháp luật quy định cán bộ, công chức hoặc cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang nhân dân không được làm; (2) Tư vấn cho người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác làm cho việc giải quyết vụ án, vụ việc không đúng quy định của pháp luật; (3) Can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết vụ án, vụ việc hoặc lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người có trách nhiệm giải quyết vụ án, vụ việc; (4) Đưa hồ sơ, tài liệu vụ án, vụ việc ra khỏi cơ quan nếu không vì nhiệm vụ được giao hoặc không được sự đồng ý của người có thẩm quyền; (5) Tiếp bị can, bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác trong vụ án, vụ việc mà mình có thẩm quyền giải quyết ngoài nơi quy định [39, Điều 33, tr.44-45].

Thứ ba, ĐTV thuộc CQĐT trong CAND còn có nghĩa vụ chấp hành nghiêm quy định những việc ĐTV không được làm quy định tại Điều 31, Thông tư số 28/2014/TT-BCA ngày 07/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an như: Không được tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và đơn, thư khiếu nại, tố cáo trái quy định hoặc không được phân công. Không được tiếp ông bà nội, ngoại, bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, bố mẹ bên vợ hoặc chồng, anh chị em ruột, anh chị em ruột bên vợ hoặc bên chồng, con đẻ, con nuôi của bị can, người bị tạm giữ hoặc những người khác có liên quan ở bất cứ địa điểm nào, nếu vì yêu cầu nghiệp vụ thì phải được sự đồng ý của Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng CQĐT. Không được ăn uống, nhận quà, tiền hoặc lợi ích khác của bị can hoặc thân nhân, bạn của bị can, người bị tạm giữ hoặc người có liên quan đến vụ án...

Thứ tư, trong khi điều tra giải quyết VAHS, ĐTV còn có nghĩa vụ lập và ký các loại biên bản theo quy định của pháp luật TTHS. Theo quy định tại Điều 95 Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 133, Bộ luật TTHS năm 2015) thì

ĐTV “*Khi tiến hành hoạt động tố tụng phải lập biên bản theo mẫu quy định thống nhất*” [37, tr.77]. Những tình tiết được ghi trong các biên bản về hoạt động điều tra có thể coi là chứng cứ của VAHS theo quy định tại Điều 77, Bộ luật TTHS năm 2003 (Điều 102, Bộ luật TTHS năm 2015).

Theo quy định của Thông tư số 28/2014/TT-BCA, ngày 07/7/2014 Quy định về công tác ĐTHS trong CAND; theo đó ĐTV trong CQĐT thuộc CAND còn có trách nhiệm sau: Xây dựng và thực hiện kế hoạch điều tra VAHS. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng CQĐT. Có trách nhiệm trong việc xử lý vi phạm đối với người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự hoặc trợ giúp viên pháp lý; xây dựng báo cáo kết thúc điều tra và bản kết luận điều tra; sử dụng các biểu mẫu TTHS và con dấu của CQĐT; phối hợp theo dõi người bị tạm giữ, tạm giam; theo dõi quá trình xét xử VAHS của Tòa án; đăng ký và quản lý hồ sơ VAHS.

So sánh ĐTV với các chức danh khác như KSV và Thẩm phán ở nước ta thấy rằng mặc dù đều là những người tiến hành tố tụng, là những chức danh tư pháp tương đương nhưng “*dễ dàng nhận thấy là KSV và Thẩm phán có thẩm quyền rộng rãi và có toàn quyền độc lập trong hoạt động truy tố, xét xử, còn ĐTV thì thẩm quyền rất hạn chế*” [10, tr.35].

Tóm lại: Theo pháp luật TTHS Việt Nam thì khi tiến hành điều tra VAHS, ĐTV có quyền và nghĩa vụ TTHS như đã trình bày ở trên. So với Bộ luật TTHS năm 1988 thì Bộ luật TTHS năm 2003 đã quy định rõ ràng và cụ thể hơn các quyền của ĐTV, bổ sung thêm một số quyền mới như: Quyền triệu tập người tham gia tố tụng (trừ người phiên dịch, người giám định), quyết định áp giải bị can, dẫn giải người làm chứng. Tuy nhiên, Điều 35 Bộ luật TTHS đã bỏ sót, thông kê không hết các quyền của ĐTV được quy định tại một số điều luật khác, ví dụ: Quyền xem xét dấu vết trên thân thể (Điều 152 Bộ luật TTHS); quyền tham dự giám định (Điều 156 Bộ luật TTHS).

Bên cạnh đó, theo Pháp lệnh Tổ chức ĐTHS năm 1989 thì ĐTV còn có quyền đề xuất, kiến nghị với Thủ trưởng CQĐT để Thủ trưởng CQĐT quyết định áp dụng những biện pháp điều tra thuộc thẩm quyền của mình. Tuy nhiên, theo Bộ luật TTHS năm 2003 thì không có điều nào quy định cho ĐTV có quyền này. Điều này không phù hợp với thực tế công tác điều tra hiện nay. Chính vì vậy ĐTV không thể phát huy hết khả năng cũng như tính chủ động, sáng tạo của mình trong quá trình điều tra VAHS.

2.2. Thực tiễn hoạt động của Điều tra viên trong giải quyết vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

2.2.1. Một số khái quát về Cơ quan điều tra và Điều tra viên thuộc Công an tỉnh Hưng Yên

Công an tỉnh Hưng Yên hiện nay có 29 đơn vị cấp phòng và 10 Công an huyện, thành phố; theo quy định của pháp luật TTHS, Công an tỉnh Hưng Yên có 02 CQĐT là Cơ quan An ninh điều tra và Cơ quan CSĐT. Cơ quan An ninh điều tra chỉ bố trí ở cấp tỉnh; Cơ quan CSĐT được bố trí theo 2 cấp: Cơ quan CSĐT cấp tỉnh và Cơ quan CSĐT cấp huyện, thành phố. Cơ quan CSĐT cấp tỉnh có: 01 Thủ trưởng và 06 Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT. Cơ quan CSĐT cấp huyện, thành phố có: 01 Thủ trưởng và 01 Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT. Tính đến tháng 11/2015, CQĐT Công an tỉnh Hưng Yên có 112 ĐTV, trong đó Cơ quan An ninh điều tra có tổng số 06 ĐTV; Cơ quan CSĐT có tổng số 106 ĐTV; Cơ quan CSĐT cấp tỉnh có: 41 ĐTV; cấp huyện, thành phố có: 65 ĐTV. Trong thời gian từ tháng 11/2010 đến tháng 11/2015 số lượng ĐTV trong Cơ quan CSĐT luôn có sự biến động cả về số lượng, trình độ và chất lượng; cụ thể:

+ *Về số lượng*: Năm 2011: có tổng số 97 ĐTV, trong đó cấp tỉnh: 36 ĐTV (chiếm 37,1%), cấp huyện: 61 ĐTV (chiếm 62,9%) thì đến năm 2015 có tổng số 106 điều tra viên (tăng 09 ĐTV), trong đó cấp tỉnh: 41 ĐTV (chiếm

38,7%), cấp huyện: 65 ĐTV(chiếm 61,3%). Chúng ta có thể thấy rõ điều đó qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.1. Số lượng ĐTV trong Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Hưng Yên từ năm 2011 đến năm 2015

Cấp Năm	Tổng số ĐTV	Cấp tỉnh	Tỷ lệ %	Cấp huyện	Tỷ lệ %
2011	97	36	37,1	61	62,9
2012	99	36	36,4	63	63,6
2013	102	42	41,2	60	58,8
2014	105	41	39,0	64	61,0
2015	106	41	38,7	65	61,3

(Nguồn: Công an tỉnh Hưng Yên)

Theo thống kê báo cáo của Công an tỉnh Hưng Yên từ tháng 11/2010 đến tháng 11/2015 trung bình mỗi năm xảy ra khoảng 860 vụ phạm tội các loại, năm thấp nhất 744 vụ (năm 2011), năm cao nhất 955 vụ (năm 2014), trong đó có khoảng 530 vụ án về trật tự xã hội, 28 vụ án về kinh tế chức vụ, 275 vụ về tệ nạn xã hội, tỷ lệ điều tra khám phá án hàng năm đạt khoảng 78%. Trước tình hình tội phạm ngày càng diễn biến phức tạp và gia tăng, phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt, tội phạm là thanh, thiếu niên, tội phạm sử dụng hung khí, vũ khí nóng gia tăng, nhất là các vụ án chưa rõ thủ phạm thì số lượng ĐTV trong Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hưng Yên là chưa đủ để đáp ứng yêu cầu điều tra các VAHS. Đã xảy ra tình trạng thiếu ĐTV so với biên chế và thiếu so với thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là ở cấp huyện.

Do số lượng ĐTV còn thiếu nên trung bình hàng năm mỗi ĐTV phải thụ lý giải quyết từ 11 đến 13 VAHS. Nếu tính trung bình mỗi ĐTV thụ lý giải quyết từ 8-10 vụ án/năm thì hiện nay còn thiếu 20-30% biên chế. Thực tế có thời điểm một ĐTV cùng một lúc được phân công điều tra 2-3 VAHS

không phải là ít. Bộ luật TTHS quy định thời hạn điều tra cho một VAHS đối với tội phạm ít nghiêm trọng là 02 tháng, tội phạm nghiêm trọng là 03 tháng và tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng là 04 tháng. Song do cùng một thời điểm phải điều tra nhiều vụ án khác nhau, bên cạnh đó còn phải tham gia nhiều công việc chuyên môn, nghiệp vụ khác và có 02 ngày nghỉ/tuần nên thời gian thực tế ĐTV dành cho mỗi vụ án chỉ khoảng trên dưới 01 tháng. Do đó nguy cơ phải xin gia hạn điều tra là hiện hữu đối với mỗi VAHS. Bởi vậy nhiều ĐTV chỉ lo làm cho “xong việc” mà không chú ý tới khai thác mở rộng vụ án, ngay cả khi có điều kiện cho phép; chất lượng hoạt động điều tra, các văn bản, thủ tục TTHS sắp xếp chưa khoa học, khai thác chưa sâu. Như vậy, sự “quá tải” trong thụ lý giải quyết các VAHS là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng điều tra các VAHS. Ở đây lỗi cũng không phải hoàn toàn do ĐTV.

Mặt khác, sự quá tải còn làm nảy sinh một thực trạng khác là các Cơ quan CSĐT chỉ đủ sức tập trung giải quyết các vụ án lớn, trọng điểm được dư luận quan tâm. Các vụ án ít nghiêm trọng thường ít được quan tâm, do thiếu cán bộ điều tra, ĐTV, vì vậy tỷ lệ điều tra khám phá án còn thấp. Trong khi đó, lại có sự bất hợp lý khi một lực lượng rất đông cán bộ Công an phường, Đoàn Công an lại không có chức năng điều tra tội phạm, mặc dù phần lớn trong số họ đều được đào tạo rất cơ bản từ các trường Đại học An ninh, Cảnh sát của Bộ Công an. Như vậy, ở đây đã có sự bất cập giữa yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm với số lượng ĐTV.

Nguồn bổ nhiệm ĐTV còn ít, do cán bộ điều tra có thời gian làm công tác điều tra còn ít, chưa được học qua lớp bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ điều tra; lại thường xuyên có sự thay đổi vị trí công tác theo quy định của Bộ Công an, khi chuyển đổi vị trí lại không công tác trong CQĐT mà chuyển sang bộ phận trinh sát, bộ phận tham mưu, tổng hợp, xây dựng lực lượng... nên số

lượng ĐTV rất hạn chế. Chính vì vậy thời gian gần đây Bộ Công an đã chỉ đạo hạn chế việc điều động ĐTV, cán bộ điều tra ra khỏi CQĐT đến các đơn vị khác không làm công tác điều tra để khắc phục tình trạng thiếu trầm trọng đội ngũ ĐTV và tạo nguồn để đào tạo, bổ nhiệm chức danh ĐTV.

+ Về chất lượng:

Về ngạch bậc của Điều tra viên: Năm 2011, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hưng Yên, có tổng số 03 ĐTV cao cấp (chiếm 3,1%), 27 ĐTV trung cấp (chiếm 27,8%), 67 ĐTV sơ cấp (chiếm 69,1%) trong tổng số 97 ĐTV, thì đến năm 2015 ĐTV cao cấp có tổng số 02 người (chiếm 1,8%), ĐTV trung cấp có 32 người (chiếm 30,2%), ĐTV sơ cấp có 72 người (chiếm 68,0%) trong tổng số 106 ĐTV. Chúng ta có thể thấy rõ điều đó qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.2. Ngạch bậc của ĐTV trong Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Hưng Yên từ năm 2011 đến năm 2015

Cấp Năm	Tổng số ĐTV	Cao cấp	Tỷ lệ %	Trung cấp	Tỷ lệ %	Sơ cấp	Tỷ lệ %
2011	97	03	3,1	27	27,8	67	69,1
2012	99	03	3,0	29	29,3	67	67,7
2013	102	02	2,0	31	30,4	69	67,6
2014	105	02	1,9	31	29,5	71	68,6
2015	106	02	1,8	32	30,2	72	68,0

(Nguồn: Công an tỉnh Hưng Yên)

Về trình độ của Điều tra viên: Năm 2011, ĐTV có trình độ Thạc sỹ 01 người (chiếm 1,1%), có trình độ Đại học 96 người (chiếm 98,9%) trong tổng số 97 ĐTV thì đến năm 2015 ĐTV có trình độ Thạc sỹ 08 người (chiếm 7,6%), có trình độ Đại học 98 người (chiếm 92,4%) trong tổng số 106 ĐTV. Chúng ta có thể thấy rõ điều đó qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.3. Trình độ của ĐTV trong Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Hưng Yên từ năm 2011 đến năm 2015

Trình độ Năm	Tổng số ĐTV	Đại học	Tỷ lệ %	Thạc sĩ	Tỷ lệ %	Tiến sĩ	Tỷ lệ %
2011	97	96	98,9	01	1,1	0	0
2012	99	97	97,9	02	2,1	0	0
2013	102	99	97,0	03	3,0	0	0
2014	105	99	94,3	06	5,7	0	0
2015	106	98	92,4	08	7,6	0	0

(Nguồn: Công an tỉnh Hưng Yên)

Hiện tại, tổng số cán bộ chiến sỹ làm công tác điều tra trong Cơ quan CSĐT của Công an tỉnh Hưng Yên là 475 người (Cơ quan CSĐT cấp tỉnh: 139 người, Cơ quan CSĐT cấp huyện, thành phố 336 người). Có 106 người đã được bổ nhiệm là ĐTV. Trong đó 27 ĐTV giữ chức vụ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT (Cấp tỉnh: 06 ĐTV, cấp huyện: 11 ĐTV).

Qua thống kê cho thấy, chất lượng đội ngũ ĐTV ở cấp tỉnh và cấp huyện trong Cơ quan CSĐT không đồng đều; năm 2015, cấp tỉnh có 41 ĐTV (chiếm 38,68%, cấp huyện có 65 ĐTV (chiếm 61,32%), trong khi đó số vụ án Cơ quan CSĐT cấp tỉnh thụ lý chiếm dưới 30%, cấp huyện thụ lý chiếm trên 70%, số lượng ĐTV cao cấp chỉ có ở Cơ quan CSĐT cấp tỉnh, ĐTV trung cấp cấp tỉnh chiếm trên 30%, cấp huyện chiếm dưới 70%.

Pháp luật TTHS đã tăng thẩm quyền điều tra, giải quyết các vụ án theo các tội danh có khung hình phạt đến 15 năm tù cho Cơ quan CSĐT cấp huyện. Tuy nhiên, Cơ quan CSĐT cấp huyện số lượng ĐTV lại ít (chiếm khoảng 60% tổng số ĐTV), số lượng ĐTV cao cấp không có, số lượng ĐTV trung cấp chỉ chiếm dưới 70%. ĐTV có trình độ trên đại học còn ít, không có

ĐTV có trình độ Tiến sỹ, có huyện 20 năm không có ĐTV có trình độ thạc sỹ. Như vậy ở đây cũng có sự bất cập giữa yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và chất lượng đội ngũ ĐTV.

Bên cạnh đó một số ĐTV có tư tưởng “an phận thủ thường”, “trung bình chủ nghĩa”, hoặc quan niệm “chỉ cần bằng cử nhân là đủ dùng”, sợ tốn kém về kinh tế hoặc vướng bận việc gia đình nên việc tham gia học tập nâng cao trình độ còn hạn chế. Cũng có đơn vị lãnh đạo chưa thực sự quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ trên đại học cho ĐTV, vì lý do không có người làm, không cần bằng thạc sỹ, tiến sỹ vẫn thăng tiến.

Bên cạnh đó đang diễn ra thực tế giữa bằng cấp, học vị và tài năng đích thực còn một khoảng cách khá xa dẫn đến năng lực nghiệp vụ thực tế, khả năng công tác ở một bộ phận ĐTV còn hạn chế. Một số cán bộ, tuy được đào tạo cơ bản về chuyên ngành điều tra tội phạm song bố trí công tác không đúng chuyên ngành được đào tạo, không bố trí công tác trong CQĐT nên không phát huy tác dụng của việc đào tạo chuyên ngành, ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng điều tra vụ án hình sự.

2.2.2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ của ĐTV trong giải quyết VAHS của Cơ quan CSĐT tỉnh Hưng Yên

- Về thực trạng giải quyết VAHS của Điều tra viên trong Cơ quan CSĐT tỉnh Hưng Yên

Nghiên cứu thực tiễn công tác điều tra giải quyết VAHS của Cơ quan CSĐT tỉnh Hưng Yên (cả cấp tỉnh và cấp huyện), cho thấy: tổng số vụ án khởi tố ngày càng tăng, tổng số vụ án phải điều tra lại, điều tra bổ sung giảm, có năm không có vụ án nào phải điều tra lại, điều tra bổ sung. Từ con số cụ thể phân nào thấy được trình độ của ĐTV, ý thức trách nhiệm trong công việc, chất lượng điều tra giải quyết VAHS ngày càng được nâng cao. Cụ thể:

Năm 2011, tổng số vụ án khởi tố là 744 vụ/1292 bị can; trong đó án về

trật tự xã hội là 439 vụ/535 bị can; án về kinh tế, chức vụ 23 vụ/31 bị can; án về tệ nạn xã hội 257 vụ/694 bị can; án khác (môi trường, giao thông, hôn nhân...) 25 vụ/42 bị can. Qua các năm, số lượng, tỷ lệ các vụ án khởi tố ngày một nhiều hơn, cụ thể, so với năm 2011 thì năm 2015 Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Hưng Yên đã khởi tố tổng số 967 vụ/1617 bị can (tăng 223 vụ, 325 bị can); trong đó án về trật tự xã hội là 642 vụ/661 bị can; án về kinh tế, chức vụ 33 vụ/53 bị can; án về tệ nạn xã hội 281 vụ/862 bị can; án khác 11 vụ/41 bị can. Chúng ta có thể thấy rõ điều đó qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.4. Tình hình số vụ án khởi tố của Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Hưng Yên từ năm 2011 đến năm 2015

Khởi tố điều tra án	Năm									
	2011		2012		2013		2014		2015	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can
Trật tự xã hội	439	535	584	776	599	798	643	668	642	661
Kinh tế, chức vụ	23	31	28	40	31	65	20	33	33	53
Tệ nạn xã hội	257	694	295	832	299	931	249	853	281	862
Loại khác	25	42	27	62	16	33	43	43	11	41
Tổng cộng	744	1292	934	1710	945	1827	955	1597	967	1617

(Nguồn: Công an tỉnh Hưng Yên)

Như vậy, từ bảng số liệu trên chúng ta thấy: từ năm 2011 đến năm 2015, tổng số VAHS và số bị can do Cơ quan CSĐT tỉnh Hưng Yên thụ lý và khởi tố ngày càng tăng. Năm 2011, tổng số vụ án khởi tố là 744 vụ/1292 bị can; năm 2012, tổng số vụ án khởi tố là 934 vụ/1710 bị can; năm 2013, tổng số vụ án khởi tố là 945 vụ/1827 bị can; năm 2014, tổng số vụ án khởi tố là 955 vụ/1597 bị can và năm 2015, tổng số vụ án khởi tố là 967 vụ/1617 bị can. Trong đó tỷ lệ các loại án về trật tự xã hội, kinh tế, chức vụ, tệ nạn xã hội và các loại án khác (môi trường, giao thông, hôn nhân...) luôn có sự biến động, án khởi tố về trật tự xã hội trung bình hàng năm chiếm tỷ lệ trên 62%. Điều

đó cho thấy số lượng vụ án mà ĐTV hàng năm phải thụ lý điều tra giải quyết ngày càng tăng.

Trình độ về nghiệp vụ điều tra, pháp luật, tư cách đạo đức của ĐTV trong điều tra giải quyết vụ án hình sự những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Hưng Yên cũng có nhiều tiến bộ. Tỷ lệ các vụ án chuyển VKS, Tòa án nhân dân cùng cấp đề nghị truy tố, xét xử bị trả lại điều tra bổ sung, điều tra lại, gia hạn điều tra giảm, có năm không có hồ sơ vụ án nào. Những số liệu cụ thể dưới đây theo báo cáo tổng kết về công tác điều tra, xử lý VAHS của Công an tỉnh Hưng Yên những năm gần đây cho chúng ta thấy rõ điều đó.

Bảng 2.5. Tình hình số vụ án điều tra lại, điều tra bổ sung của Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Hưng Yên từ năm 2011 đến năm 2015

Năm	Tổng số vụ án khởi tố	Kết quả xử lý				
		Đề nghị truy tố	Tạm đình chỉ điều tra	Đình chỉ điều tra	Điều tra lại	Điều tra bổ sung
2011	744	624	92	28	01	19
2012	934	841	75	18	0	17
2013	945	857	67	21	0	16
2014	955	882	61	12	0	12
2015	967	889	64	14	0	11
Tổng số	4.545	4.093	359	93	01	75

(Nguồn: Công an tỉnh Hưng Yên)

Nhìn từ bảng số liệu trên ta thấy, số vụ án phải điều tra lại, điều tra bổ sung qua các năm liên tục giảm, từ năm 2011 đến 2015 chỉ có duy nhất 01 vụ án phải điều tra lại; số vụ án điều tra bổ sung chiếm tỷ lệ thấp so với tổng số vụ án đề nghị truy tố, năm 2011 chiếm 3,0% thì đến năm 2015 chiếm 1,23%, trung bình 05 năm chiếm khoảng 1,88%. Trong 02 năm (2014 và 2015) số vụ án điều tra bổ sung giảm mạnh. Mặc dù tình hình tội phạm ngày càng phức

tạp và có xu hướng tăng lên, số lượng vụ án mà Cơ quan CSĐT điều tra thụ lý không hề giảm nhưng tốc độ giải quyết, chất lượng giải quyết các VAHS ngày càng được nâng cao. Đặc biệt số vụ án VKS, Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, điều tra lại do lỗi chủ quan của ĐTV cũng chiếm tỷ lệ thấp.

Bảng 2.6. Tình hình căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Hưng Yên từ năm 2011 đến năm 2015

Năm	Tổng số vụ án điều tra bổ sung (vụ/bị can)	Căn cứ đề nghị điều tra bổ sung		
		Khoản 1, Điều 168, Bộ Luật TTHS (vụ/bị can)	Khoản 2, Điều 168, Bộ Luật TTHS (vụ/bị can)	Khoản 3, Điều 168, Bộ Luật TTHS (vụ/bị can)
2011	19/29	08/12	11/17	0
2012	17/24	08/11	08/11	01/02
2013	16/25	05/09	11/16	0
2014	12/21	06/09	06/12	0
2015	11/20	04/07	07/13	0
Tổng số	75/119	31/48	43/69	01/02

(Nguồn: Công an tỉnh Hưng Yên)

Nhìn từ bảng số liệu trên ta thấy, căn cứ VKS, Tòa án nhân dân trả hồ sơ để điều tra bổ sung từ năm 2011 đến năm 2015 chủ yếu là: Do thiếu chứng cứ quan trọng (Khoản 1, Điều 168, Bộ Luật TTHS năm 2003) 31 vụ/48 bị can; Do có căn cứ để khởi tố bị can về tội phạm khác hoặc có đồng phạm khác (Khoản 2, Điều 168, Bộ Luật TTHS năm 2003) 43 vụ/69 bị can; Do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục TTHS (Khoản 3, Điều 168, Bộ Luật TTHS năm 2003) 01 vụ/02 bị can.

Để có được kết quả trên là sự nỗ lực không ngừng của Cơ quan CSĐT và của cá nhân ĐTV trong Công an tỉnh Hưng Yên. Đặc biệt là đội ngũ ĐTV đã được đào tạo tốt hơn, trình độ cũng như đạo đức nghề nghiệp ngày được

nâng cao và họ đã khẳng định được vị trí, vai trò của mình trong điều tra giải quyết VAHS. Bên cạnh đó là có sự nỗ lực chỉ đạo, kiểm tra của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ngoài nhiệm vụ là ĐTV còn được nâng cao trình độ về quản lý, nghiệp vụ lãnh đạo, chỉ huy để sắp xếp, phân công công việc, phân công ĐTV thụ lý điều tra giải quyết VAHS hợp lý, đảm bảo nâng cao chất lượng điều tra giải quyết VAHS, tránh oan, sai, bỏ lọt tội phạm.

- Về thực trạng áp dụng thẩm quyền của Điều tra viên trong Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hưng Yên

Theo quy định Bộ luật TTHS năm 2003 thì Thủ trưởng CQĐT có thẩm quyền “*trực tiếp tổ chức và chỉ đạo các hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra*” [37, Điều 34, Khoản 1, tr.23]. Nhưng thực tế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, do bận nhiều việc với tư cách là người đứng đầu cơ quan, lãnh đạo một đơn vị quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự nên ở một số Cơ quan CSĐT cấp huyện có tình trạng Thủ trưởng Cơ quan CSĐT thường ủy quyền để giao quyền cho Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT theo kiểu “*khoán trắng*” dẫn đến không làm đúng chức trách của Thủ trưởng đối với hoạt động ĐTHS của Cơ quan CSĐT, nên có nơi, có lúc Thủ trưởng Cơ quan CSĐT không nắm bắt được, không kiểm soát, kiểm tra được các hoạt động điều tra của Cơ quan CSĐT.

Ở đây có sự bất hợp lý là Thủ trưởng Cơ quan CSĐT không trực tiếp điều tra, không quán xuyên được diễn biến cụ thể của từng VAHS “*nhưng pháp luật lại trao cho quá nhiều thẩm quyền điều tra, trong khi chính bản thân họ lại không có đủ điều kiện và khả năng để thực hiện các thẩm quyền đó*” [10, tr.60]. Vì vậy, có tình trạng quá tải buộc ĐTV phải quyết định những hoạt động tố tụng một cách chậm trễ, hình thức và đã xảy ra những vi phạm do không có thời gian và điều kiện đi sâu nghiên cứu vụ án, đối tượng.

Qua trao đổi trực tiếp với một số Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT (cả cấp tỉnh, cấp huyện) của Công an tỉnh Hưng Yên đều chưa muốn

trao bớt quyền cho ĐTV, kể cả ĐTV cao cấp, “*vì họ sợ ĐTV lạm quyền, không làm được, vi phạm pháp luật hoặc sợ ĐTV sẽ tiêu cực...*” [10, tr.60]. Từ phía ĐTV thì cho rằng chưa trao quyền thì chưa thể biết họ có thực hiện được hay không “*và họ cho rằng trên thực tế họ có rất ít thẩm quyền tổ tụng hình sự*” [10, tr.60].

Mặc dù Bộ luật TTHS năm 2003 đã quy định rất rõ ràng thẩm quyền của ĐTV trong việc áp dụng các biện pháp điều tra, trao thêm cho ĐTV quyền triệu tập, quyết định áp giải bị can, dẫn giải người làm chứng, song cơ bản thẩm quyền đó vẫn bị “*lu mờ*” trong CQĐT thuộc CAND, bởi cơ chế quản lý đặc thù lực lượng vũ trang, thực hiện theo điều lệnh CAND, chế độ một thủ trưởng, cấp dưới phục tùng cấp trên. Trên thực tế, trong Cơ quan CSĐT tỉnh Hưng Yên, ĐTV được làm gì, làm như thế nào là do Thủ trưởng Cơ quan CSĐT quyết định, phân công, ĐTV chỉ được phép thực hiện các biện pháp điều tra trong kế hoạch điều tra, nội dung đề xuất đã được Thủ trưởng Cơ quan CSĐT phê chuẩn. Nếu trong quá trình điều tra vụ án, tình huống điều tra thay đổi, dẫn tới phải thay đổi kế hoạch điều tra đã được phê duyệt thì ĐTV phải báo cáo, đề xuất bổ sung kế hoạch và thực hiện theo quyết định của Thủ trưởng Cơ quan CSĐT.

Nói tóm lại, pháp luật TTHS mặc dù đã được đổi mới, bổ sung, sửa đổi và quy định cụ thể thẩm quyền của ĐTV, song qua thực tế áp dụng trong Cơ quan CSĐT tỉnh Hưng Yên vẫn còn tồn tại những bất cập, mâu thuẫn. ĐTV là những người trực tiếp tiến hành điều tra vụ án thì chỉ được trao một số thẩm quyền điều tra hạn chế, thứ yếu. Mặc dù vậy, những thẩm quyền đó lại bị “*lu mờ*” trong cơ chế quản lý hành chính, đặc thù trong CAND đã làm hạn chế khả năng sáng tạo, tính chủ động của ĐTV trong điều tra giải quyết VAHS.

- *Những nguy hiểm, khó khăn, vất vả, thử thách mà Điều tra viên thường phải đối mặt trong quá trình điều tra giải quyết VAHS*

Điều tra viên chính là người phải đối mặt với những khó khăn, thách

thức, sự chống trả của tội phạm cũng như các tác động tiêu cực khác một cách trực tiếp và đầy đủ nhất trong giai đoạn điều tra VAHS so với các giai đoạn tiếp theo nó. Thực tiễn công tác điều tra giải quyết VAHS trên địa bàn tỉnh Hưng Yên cho thấy những nguy hiểm, khó khăn, vất vả, thử thách mà ĐTV thường phải đối mặt, đó là: (1) Áp lực công việc, sự căng thẳng về tâm lý, hao tổn thể lực và trí lực của ĐTV. Do đó, ĐTV phải *“đấu tranh với chính bản thân mình vượt qua những cám dỗ để chiến thắng sự mua chuộc, sự đe dọa của tội phạm cũng như tự bảo vệ mình không để tội phạm tấn công..”* [19]. (2) Đối mặt với những tình huống nguy hiểm, hi sinh xương máu thậm chí cả tính mạng trong quá trình điều tra VAHS. Tội phạm đã sử dụng vũ lực, hung khí, vũ khí... chống trả quyết liệt lại ĐTV để trốn tránh pháp luật và có không ít ĐTV bị thương, hy sinh tính mạng. (3) ĐTV còn gặp phải những rủi ro nghề nghiệp về thể chất và tinh thần, đặc biệt là những tác động đến uy tín chính trị, sự nghiệp của ĐTV. Thực tiễn điều tra VAHS trên địa bàn tỉnh Hưng Yên cho thấy: ĐTV mặc dù đã tuân thủ đầy đủ các quy định, quy trình làm việc, tuân thủ pháp luật nhưng vẫn có thể dẫn đến sai lầm trong hành vi và quyết định của mình. Bên cạnh đó, những vướng mắc, bất cập, chông chéo của pháp luật hiện nay cũng là yếu tố gây nên rủi ro cho ĐTV trong quá trình điều tra giải quyết VAHS.

Từ những phân tích và thực tiễn điều tra VAHS trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có thể thấy, ĐTV là người đóng vai trò quyết định đến chất lượng, hiệu quả điều tra VAHS. Muốn nâng cao chất lượng hoạt động TTHS, cần nhận thức rằng *“hoạt động điều tra VAHS là cái gốc của cả hoạt động này và hoạt động đó do ĐTV tiến hành với vai trò chủ đạo”* [19]. Vì vậy, ĐTV là một đối tượng cần được đặc biệt quan tâm và nếu không nâng cao trình độ hoạt động thực tiễn và phẩm chất nghề nghiệp của ĐTV thì không thể nâng cao chất lượng của hoạt động TTHS.

2.2.3. Những hạn chế và nguyên nhân

Thực tiễn hoạt động điều tra VAHS của Cơ quan CSĐT tỉnh Hưng Yên cho thấy, một số ĐTV còn có vi phạm về trình tự, thủ tục, những cách thức, phương pháp tiến hành theo quy định của pháp luật TTHS và của Bộ Công an trong điều tra giải quyết VAHS. Một bộ phận ĐTV còn thiếu rèn luyện, tu dưỡng, suy thoái về phẩm chất đạo đức, có biểu hiện sách nhiễu, gây phiền hà cho đối tượng liên quan và có hành vi tiêu cực trong quá trình điều tra giải quyết vụ án. Trong đó có một số hạn chế như:

Một là, một số ĐTV đã vi phạm các quy định của pháp luật TTHS về thời hạn điều tra vụ án, thời hạn chuyển hồ sơ vụ án. *Điển hình*:

+ Vụ “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 11/8/2012 tại thôn Lục Điền, xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tài sản thiệt hại là 17.110.000 đồng là vụ án ít nghiêm trọng, thời hạn điều tra là 02 tháng. Ngày 12/9/2012 Cơ quan CSĐT - Công an huyện Yên Mỹ ra Quyết định khởi tố vụ án, vụ án không gia hạn điều tra nhưng đến ngày 12/12/2012 Cơ quan CSĐT - Công an huyện Yên Mỹ ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, như vậy là quá thời hạn điều tra 01 tháng. Vi phạm Điều 119, Bộ luật TTHS năm 2003.

+ Vụ “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 10/9/2012 tại thôn Như Lân, xã Long Hưng, huyện Văn Giang, kết luận điều tra vụ án ngày 16/01/2013 nhưng đến ngày 21/01/2013 ĐTV mới chuyển hồ sơ vụ án sang VKS nhân dân huyện Văn Giang, quá thời hạn 03 ngày. Vi phạm Điều 162, Bộ luật TTHS năm 2003.

Hai là, một số ĐTV vi phạm các quy định của pháp luật TTHS về công tác nhập, xuất, xử lý vật chứng, như không nhập vật chứng vào Kho vật chứng để quản lý, đề xuất trả lại cho chủ sở hữu vật chứng theo quy định phải tiêu hủy. *Điển hình*:

+ Vụ “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 01/02/2013 tại khu đô thị Ecopark,

huyện Văn Giang, ĐTV lấy số lệnh nhập kho vật chứng không theo dõi trong số lệnh nhập kho vật chứng.

+ Trong vụ “Đánh bạc” xảy ra ngày 10/8/2012 tại thôn Hào Xuyên, xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ, ĐTV đề xuất trả lại cho chủ sở hữu các công cụ thực hiện hành vi phạm tội gồm bộ bài, chiếu... là không đúng.

Ba là, một số ĐTV khi tiến hành xác minh, điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ còn chưa triệt để dẫn đến một số vướng mắc trong quá trình xem xét kết luận, xử lý vụ án. *Diễn hình:*

+ Vụ “Môi giới mại dâm”, bị can là Vũ Thị Huệ quá trình điều tra làm rõ ngoài hành vi môi giới mại dâm của Huệ ngày 25/12/2012, Huệ còn môi giới mại dâm cho 02 nhân viên của mình bán dâm cho khách tại nhà nghỉ Bảo Châu ở thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang vào tối ngày 24/12/2012, tuy nhiên tài liệu trong hồ sơ vụ án ĐTV đã không xác định địa điểm mua bán dâm này.

Bốn là, việc nghiên cứu, vận dụng các quy định của pháp luật về bắt người chưa chính xác gây khó khăn cho công tác xử lý tiếp theo hoặc không thông báo bằng văn bản cho gia đình hoặc chính quyền địa phương nơi đối tượng, bị can đang cư trú biết. *Diễn hình:*

+ Vụ “Mua bán trái phép chất ma túy” xảy ra ngày 25/7/2011 tại xã Thanh Long, huyện Yên Mỹ do Cơ quan CSĐT-Công an huyện Yên Mỹ thụ lý, chưa thông báo về việc bắt bị can Bùi Danh Hùng, thông báo xử lý hành chính các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy trong vụ án.

+ Năm 2013, ĐTV của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hưng Yên và Công an huyện Văn Lâm để xảy ra tình trạng khi đề xuất Thủ trưởng Cơ quan CSĐT ra lệnh bắt khẩn cấp chưa nghiên cứu, vận dụng theo các quy định tại Điều 81, Bộ luật TTHS dẫn đến tình trạng khi thực hiện lệnh nhưng không bắt được các đối tượng thì không có hình thức để xử lý tiếp theo.

Năm là, một số ĐTV quá trình thiết lập hồ sơ VAHS chưa đầy đủ;

không lập kế hoạch điều tra, xác minh hoặc lập sơ sài, qua loa; khi lấy lời khai của các đối tượng ĐTV không thể hiện việc giải thích quyền, nghĩa vụ và tư cách của người tham gia tố tụng; không hỏi rõ ngày, tháng, năm sinh của đương sự, địa điểm ghi lời khai, bỏ trống hỏi giờ kết thúc biên bản.

Sáu là, một số ĐTV sử dụng một số biểu mẫu TTHS không đúng quy định của pháp luật TTHS và của Bộ Công an. Có ĐTV chủ quan, cầu thả, không kịp thời hướng dẫn, kiểm tra dẫn đến cán bộ điều tra vi phạm pháp luật phải khởi tố. *Diễn hình*:

+ Vụ “Cướp tài sản” xảy ra ngày 17/8/2011 tại xã Quảng Châu - TP Hưng Yên, ĐTV vẫn dùng mẫu biên bản ghi lời khai năm 2000, đúng là phải sử dụng biểu mẫu tại các Quyết định số 1351/QĐ-BCA (C11) ngày 18/11/2004 và Quyết định số 789/QĐ-BCA(C11) ngày 12/7/2007 do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành.

+ Vụ “Làm sai lệch hồ sơ vụ án” xảy ra tháng 11/2012 của Trung úy Hoàng Quyết Thắng - Cán bộ trợ lý điều tra tại Cơ quan CSĐT - Công an huyện Yên Mỹ.

Bảy là, một số ĐTV chuyển hồ sơ vụ án để điều tra theo thẩm quyền (Cơ quan CSĐT cấp huyện chuyển Cơ quan CSĐT cấp tỉnh) còn chậm; lấy số hiệu công văn của CQĐT nhằm vào số công văn của cơ quan hành chính; hồ sơ VAHS còn có hiện tượng tẩy, xóa chưa đúng quy định. Bên cạnh đó, việc sử dụng ngoại ngữ, tin học của ĐTV trong điều tra giải quyết VAHS còn nhiều hạn chế, đặc biệt là ĐTV có tuổi cao, được đào tạo, học tập theo chương trình đào tạo cũ.

Theo quy định, ĐTV phải có trình độ B tin học, nhưng việc sử dụng máy vi tính để soạn thảo văn bản trên Microsoft Office Word còn chậm, thậm chí có ĐTV không sử dụng được Microsoft Office Excel. ĐTV phải có trình

độ B ngoại ngữ, nhưng thực tế khả năng giao tiếp với người nước ngoài, nghiên cứu văn bản nước ngoài của ĐTV chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau đã làm cho chất lượng, hiệu quả việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ĐTV và CQĐT trong quá trình giải quyết VAHS chưa cao, tác động, ảnh hưởng đến vai trò của ĐTV trong giải quyết VAHS, những nguyên nhân đó là: (1) Một số quy định của pháp luật TTHS về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của ĐTV còn bất cập; một số quy định của pháp luật hình sự còn chung chung, định lượng, định tính chưa cụ thể; văn bản hướng dẫn cụ thể, chi tiết chưa có hoặc còn chậm nên việc áp dụng, vận dụng giữa các Cơ quan CSĐT, giữa các ĐTV chưa thống nhất. (2) Trong quá trình thực hiện các biện pháp điều tra để giải quyết VAHS thì sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng (CQĐT, VKS và Tòa án) chưa kịp thời, thiếu nhịp nhàng, chưa thống nhất, còn tình trạng “quyền anh, quyền tôi” trong áp dụng biện pháp ngăn chặn, định tội danh, khung hình phạt. (3) Đội ngũ ĐTV còn hạn chế, bất cập về trình độ, năng lực; việc tự học, tự nghiên cứu, cập nhật thông tin, kiến thức về tin học, ngoại ngữ, khoa học kỹ thuật, công nghệ của ĐTV còn chậm. (4) Một số ĐTV ý thức tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức, trách nhiệm nghề nghiệp chưa cao, có tư tưởng hưởng thụ vật chất, trung bình chủ nghĩa làm ảnh hưởng tới chất lượng, hiệu quả điều tra và dẫn đến sai phạm của ĐTV, cán bộ điều tra trong điều tra VAHS. (5) Công tác tổng kết, rút kinh nghiệm trong công tác điều tra xử lý tội phạm, công tác biểu dương, khen thưởng, chế độ chính sách đãi ngộ đối với ĐTV còn ít, chưa kịp thời.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. Hoàn thiện luật tố tụng hình sự về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Điều tra viên

Cải cách tư pháp hình sự là một trong những nội dung quan trọng của cải cách tư pháp nhằm mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến công tác cải cách tư pháp trong lĩnh vực hình sự. Thời gian qua, Bộ Chính trị đã ban hành rất nhiều Chỉ thị, Nghị quyết, Kết luận chỉ đạo công tác cải cách tư pháp nói chung và tư pháp hình sự riêng; Đặc biệt Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 với mục tiêu xuyên suốt là *“xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa...”* [8, tr.2]. Nhằm tạo sự chuyển biến mang tính đột phá trong cuộc đấu tranh bảo vệ công lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị cũng đã xác định rõ về tổ chức cơ quan điều tra, phải *“sắp xếp tinh gọn đầu mối trong từng cơ quan, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, không chồng chéo nhiệm vụ; xác định rõ mối quan hệ giữa hoạt động điều tra theo tố tụng hình sự và hoạt động trình sát”* [9, tr.3].

Việc sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện những quy định của luật tố tụng hình sự mà đặc biệt là Bộ luật TTHS về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

của ĐTV phải trên cơ sở tổng kết thực tiễn nhằm khắc phục cơ bản những vướng mắc, bất cập của pháp luật TTHS hiện hành; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của ĐTV; ngăn ngừa và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm; bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền con người trong hoạt động TTHS; tạo ra cơ chế để nâng cao trình độ, năng lực của ĐTV, bảo đảm sự độc lập của ĐTV trong quá trình giải quyết VAHS.

Bộ luật TTHS năm 2015 đã được kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 27/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016. Tuy nhiên Quốc hội khóa XIII đã có Nghị quyết số 144/2016/QH13 thông qua ngày 29/6/2016, có hiệu lực ngày 30/6/2016 trong đó có nội dung về việc lùi thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13.

Bộ luật TTHS năm 2015 có nhiều điểm mới so với Bộ luật TTHS năm 2003, tuy nhiên qua nghiên cứu những quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ trưởng CQĐT, ĐTV và đối chiếu với thực tiễn áp dụng Bộ luật TTHS năm 2003 thời gian qua, học viên thấy còn một số vấn đề cần phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và phù hợp với thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm khi Bộ luật TTHS năm 2015 áp dụng trong thực tiễn TTHS thời gian tới. Cụ thể là:

3.1.1. Sửa đổi, bổ sung Điều 36, Bộ luật TTHS năm 2015

Điều 36, Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT. Đây là nội dung rất quan trọng trong việc hoàn thiện quy định của Bộ luật TTHS về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người tiến hành TTHS trong CQĐT nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, đảm bảo dân chủ, công khai các hoạt động tố tụng, gắn quyền hạn với trách nhiệm của người tiến hành tố tụng trong CQĐT, nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng và bảo đảm tính kịp thời của hoạt động khởi tố, điều tra VAHS đối với từng vụ án cụ thể.

Thủ trưởng CQĐT chỉ thực hiện các nhiệm vụ hành chính tư pháp và phát động quá trình tố tụng thuộc chức năng, thẩm quyền của cơ quan mình (như quyết định phân công Phó Thủ trưởng, ĐTV, Cán bộ điều tra...); Phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính tư pháp với trách nhiệm, quyền hạn của Thủ trưởng CQĐT trong hoạt động TTHS; tăng quyền và trách nhiệm cho những người trực tiếp tiến hành tố tụng (ĐTV, Cán bộ điều tra) một cách hợp lý để họ chủ động hơn trong hoạt động điều tra giải quyết VAHS.

Về việc Thủ trưởng CQĐT trực tiếp thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, việc khởi tố, điều tra VAHS quy định tại Điều 36, Bộ luật TTHS năm 2015, cần thống nhất quan điểm rằng: Căn cứ vào Điều 36, Bộ luật TTHS năm 2015 thì chỉ có Thủ trưởng CQĐT là người có nhiệm vụ và quyền hạn trong việc tổ chức và chỉ đạo việc thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, việc khởi tố, điều tra của CQĐT, do đó khi Thủ trưởng trực tiếp thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, việc khởi tố, điều tra VAHS thì đó là việc đương nhiên do luật định mà không cần phải có quyết định phân công.

Các nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng cụ thể liên quan đến việc thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, việc khởi tố, điều tra VAHS do ĐTV, Cán bộ điều tra được phân công thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật; không nên để tình trạng người trực tiếp thực hiện các hoạt động TTHS thì không có thẩm quyền quyết định và ngược lại, người có thẩm quyền quyết định thì chỉ nghe báo cáo đề xuất mà không trực tiếp tiến hành các hoạt động tố tụng làm cho các quyết định tố tụng khó có thể chính xác, khách quan. Tình trạng này sẽ dẫn đến trách nhiệm không rõ ràng giữa những người tiến hành tố tụng.

Từ những phân tích trên, về cơ cấu, Bộ luật TTHS chỉ cần có điều khoản quy định nhiệm vụ, quyền hạn hành chính tư pháp của Thủ trưởng CQĐT (không bao gồm nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng) và điều khoản quy định nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng của ĐTV, Cán bộ điều tra (bao gồm cả Thủ

trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT khi họ trực tiếp thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, việc khởi tố, điều tra VAHS).

Quy định rõ hậu quả TTHS và trách nhiệm đối với việc vi phạm các quy định về quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng.

Khoản 4, Điều 36, Bộ luật TTHS năm 2015 nên được bổ sung: “*Mọi trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quyền hạn, trách nhiệm được quy định trong Bộ luật TTHS đều là vi phạm nghiêm trọng thủ tục TTHS và phải được khắc phục bằng các biện pháp tố tụng; các lệnh, quyết định trái pháp luật phải được hủy bỏ hoặc hủy bỏ để tiến hành tố tụng lại cho đúng pháp luật, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, tính chính xác, khách quan trong giải quyết vụ án hình sự*”.

3.1.2. Sửa đổi, bổ sung Điều 37, Bộ luật TTHS năm 2015

Trong Pháp lệnh tổ chức ĐTHS năm 1989 có quy định:

Đối với những biện pháp điều tra thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng CQĐT thì ĐTV có quyền kiến nghị với Thủ trưởng CQĐT quyết định. Trong trường hợp không nhất trí với quyết định của Thủ trưởng CQĐT thì ĐTV vẫn phải chấp hành quyết định đó nhưng có quyền khiếu nại lên Thủ trưởng CQĐT cấp trên [43, Điều 24].

Học viên cho rằng, việc quy định ĐTV có quyền kiến nghị và khiếu nại nêu trên là cần thiết, nó đảm bảo cho ĐTV có sự “độc lập tương đối” trong quan hệ với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT, phát huy tính chủ động và tư duy sáng tạo trong việc lựa chọn chiến thuật, áp dụng các biện pháp điều tra để điều tra giải quyết VAHS.

Tuy nhiên trong Bộ luật TTHS năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức ĐTHS năm 2004, Bộ luật TTHS năm 2015 và Luật tổ chức Cơ quan ĐTHS năm 2015 không có quy định nào cho phép ĐTV thực hiện hai quyền này.

Đối với nhân viên tư pháp, trong hoạt động TTHS “chỉ được làm những

gì mà pháp luật quy định” chứ không phải “được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm”; nếu hiểu vấn đề như vậy thì mặc nhiên thừa nhận việc ĐTV phải chấp hành một cách tuyệt đối, máy móc các quyết định, các lệnh của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT mà không có quyền tham mưu, đề xuất hay kiến nghị ý kiến nào khác. Rõ ràng đây là một trong những thiếu sót của pháp luật TTHS hiện hành. Trên thực tế thì sự tham mưu, đề xuất, kiến nghị của ĐTV là không thể thiếu trong việc điều tra bất kì VAHS nào.

Vì vậy cần bổ sung vào Khoản 1, Điều 37, Bộ luật TTHS năm 2015 như sau: *“Kiến nghị với Thủ trưởng CQĐT về quyết định đối với những biện pháp điều tra thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng CQĐT. Trong trường hợp không nhất trí với quyết định, lệnh của Thủ trưởng CQĐT thì ĐTV vẫn phải chấp hành quyết định, lệnh đó nhưng có quyền khiếu nại lên Thủ trưởng CQĐT cấp trên”*.

3.1.3. Sửa đổi, bổ sung Điều 51, Bộ luật TTHS năm 2015

+ *Đối với Khoản 1, Điều 51, Bộ luật TTHS năm 2015*

Tại Điểm b, Khoản 1, Điều 51, Bộ luật TTHS năm 2015 về việc thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra có ghi: Phải từ chối hoặc bị thay đổi nếu đã tiến hành tố tụng trong vụ án đó với tư cách là KSV, Kiểm tra viên, Thẩm phán, Hội thẩm, Thẩm tra viên hoặc Thư ký Tòa án. Trên thực tế, rất ít khả năng và hầu như thực tiễn chưa xảy ra; vì một người trong thời hiệu tố tụng (dù là tối đa) của một VAHS, không thể chuyển công tác ở những cơ quan khác nhau mà lại được đề bạt, bổ nhiệm ngay chức sắc, chức danh tư pháp. Và trường hợp xảy ra thật thì sẽ vận dụng theo Khoản 3, Điều 49, Bộ luật TTHS năm 2015, cũng có thể, vì tương tự (nếu không vô tư).

Do vậy, Học viên đề nghị bỏ chế định trên trong Khoản 1, Điều 51, Bộ luật TTHS năm 2015.

+ *Đối với Khoản 2, Điều 51, Bộ luật TTHS năm 2015*

Sự vô tư của Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là một trong những điều kiện quan trọng có tính chất quyết định để VAHS được giải quyết khách quan, không làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm. Vì vậy đảm bảo sự vô tư của Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong CQĐT là một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật TTHS. Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: *“Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người phiên dịch, người dịch thuật, người giám định, người định giá tài sản, người chứng kiến không được tham gia tố tụng nếu có lý do cho rằng họ có thể không vô tư trong khi thực hiện nhiệm vụ”* [38, Điều 21, tr.15].

Tuy nhiên sự vô tư của Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng còn chịu tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan nên có khả năng dẫn đến sự không vô tư trong khi tiến hành tố tụng. Do vậy cơ chế này phải được quy định cụ thể, rõ ràng trong Bộ luật TTHS và Luật tổ chức Cơ quan ĐTHS để làm cơ sở pháp lý ngăn ngừa sự không vô tư của Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Điều 49, Điều 51, Bộ luật TTHS năm 2015 quy định các trường hợp, căn cứ và thẩm quyền thay đổi Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong CQĐT. Khi có những căn cứ nêu trên thì Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT xem xét quyết định thay đổi Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong CQĐT. Những quy định trên sẽ tạo ra cơ chế đảm bảo sự vô tư khách quan của Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong CQĐT nhưng thực tế khi áp dụng sẽ bộc lộ những hạn chế, khuyết điểm cần hoàn thiện nhằm đảm bảo tính khách quan trong quá trình giải quyết VAHS và đáp ứng yêu cầu của Chiến lược cải cách tư pháp theo Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Theo Điều 49, Bộ luật TTHS năm 2015 thì đối tượng phải từ chối hoặc thay đổi tiến hành tố tụng khi có những căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 của Điều luật này. Do vậy đối với những Người có thẩm quyền tiến

hành tố tụng trong CQĐT bao gồm: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT, ĐTV, Cán bộ điều tra. Song khi quy định căn cứ từ chối hoặc thay đổi tiến hành TTHS tại Điều 51, Bộ luật TTHS năm 2015 thì chỉ có các đối tượng là Thủ trưởng CQĐT, ĐTV, Cán bộ điều tra mà không có Phó Thủ trưởng CQĐT. Quy định này dẫn đến cách hiểu là Phó Thủ trưởng CQĐT không phải là Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong CQĐT hoặc nếu là Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong CQĐT thì khi có những căn cứ từ chối hoặc thay đổi tiến hành TTHS theo quy định của pháp luật thì cũng không phải từ chối hoặc thay đổi khi họ tiến hành tố tụng. Như vậy đã không có sự đồng nhất giữa các điều luật trong Bộ luật TTHS năm 2015 dẫn đến những cách hiểu khác nhau, khó áp dụng trong thực tiễn, quan trọng hơn là làm cho VAHS không được giải quyết một cách khách quan khi Phó Thủ trưởng CQĐT có những căn cứ phải từ chối hoặc thay đổi tiến hành tố tụng.

Vì vậy cần bổ sung vào Khoản 2, Điều 51, Bộ luật TTHS năm 2015 như sau: *“Thủ trưởng CQĐT quyết định việc thay đổi Phó Thủ trưởng CQĐT, ĐTV và Cán bộ điều tra. Phó Thủ trưởng CQĐT quyết định việc thay đổi ĐTV và Cán bộ điều tra”*.

Quy định nếu Thủ trưởng CQĐT là ĐTV điều tra giải quyết VAHS khi có các căn cứ từ chối hoặc thay đổi tiến hành tố tụng thì việc điều tra VAHS do CQĐT cấp trên trực tiếp tiến hành (Khoản 2, Điều 51, Bộ luật TTHS năm 2015) được hiểu là người đứng đầu CQĐT chỉ bị từ chối hoặc thay đổi khi họ tiến hành tố tụng với tư cách là ĐTV, còn trong trường hợp họ tiến hành tố tụng với tư cách là đại diện cho cơ quan tiến hành tố tụng sẽ không phải từ chối hoặc thay đổi nếu có những căn cứ pháp luật. Thực chất quy định này là phù hợp, bởi không thể thay đổi người đứng đầu CQĐT chỉ vì những khả năng có thể dẫn đến sự không vô tư khi tiến hành điều tra giải quyết VAHS cụ thể. Tuy nhiên người đứng đầu CQĐT là ĐTV - Thủ trưởng CQĐT như hiện

nay lại có vai trò quan trọng trong điều tra giải quyết một VAHS và do vậy dù có bị thay đổi với tư cách là ĐTV điều tra vụ án thì ảnh hưởng của họ cũng tác động nhiều đến quá trình điều tra giải quyết VAHS. Có thể khắc phục hạn chế này bằng cách pháp luật cần quy định chặt chẽ vị trí độc lập của ĐTV trong điều tra giải quyết VAHS, hạn chế sự tác động của Thủ trưởng CQĐT trong quá trình điều tra giải quyết VAHS.

3.2. Các giải pháp nâng cao vai trò của Điều tra viên trong giải quyết vụ án hình sự

3.2.1. Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp nói chung và công tác điều tra giải quyết VAHS nói riêng

Sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ đối với cơ quan tư pháp nói chung và CQĐT nói riêng là yêu cầu khách quan và cần thiết để đảm bảo cho cơ quan tư pháp nói chung và CQĐT nói riêng thực hiện đúng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước, hạn chế sai sót có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và Nhà nước. Để đạt được mục tiêu, yêu cầu đó phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cũng như phải đổi mới về nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng cho phù hợp với tổ chức và hoạt động của CQĐT và ĐTV.

Nội dung tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với CQĐT và ĐTV tập trung vào các vấn đề sau:

Thứ nhất, Đảng đề ra quan điểm chỉ đạo, định hướng xây dựng hoàn thiện tổ chức và hoạt động của các CQĐT, quan điểm về tội phạm, chính sách hình sự và hình phạt, các quan điểm về nguyên tắc, trình tự, thủ tục tố tụng, biện pháp điều tra... Trên cơ sở đó, Nhà nước thể chế hóa thành các quy định pháp luật làm cơ sở cho việc kiện toàn, đổi mới tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của CQĐT theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Thứ hai, Đảng lãnh đạo các CQĐT thông qua công tác tổ chức cán bộ, đặc biệt là chỉ đạo việc xây dựng, kiện toàn bộ máy của từng CQĐT, công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, quản lý đội ngũ cán bộ chủ chốt của các CQĐT như Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT và ĐTV, bảo đảm cho đội ngũ này có “*kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất, đạo đức trong sạch, dũng cảm đấu tranh vì công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa*” [8, tr.6-7], đủ về số lượng và mạnh về chất lượng.

Thứ ba, Cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với CQĐT và ĐTV cũng là yêu cầu cấp bách. Hiểu sai vai trò lãnh đạo của Đảng, “*buông lỏng lãnh đạo hoặc can thiệp không đúng vào hoạt động tư pháp*” [8, tr.8] sẽ dẫn tới tình trạng bao biện, làm thay, can thiệp quá sâu vào lĩnh vực chuyên môn, đường lối xử lý một VAHS cụ thể và suy cho cùng là làm suy yếu, làm giảm vai trò lãnh đạo của Đảng cũng như sự chủ động, sáng tạo của CQĐT, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT và ĐTV, dẫn đến vi phạm pháp luật.

Thứ tư, Đảng lãnh đạo thông qua các cấp ủy Đảng, các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên trong CQĐT bằng việc chỉ đạo quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí, đề bạt, điều động và thi hành kỷ luật cán bộ. Đảng lãnh đạo bằng việc kiểm tra giám sát các CQĐT trong việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, kịp thời phát hiện và áp dụng các biện pháp giáo dục, thuyết phục để uốn nắn những sai sót, lệch lạc của CQĐT trong việc khởi tố, điều tra, bắt, giam giữ... Đảng lãnh đạo, kiểm tra hoạt động của CQĐT theo pháp luật, nhưng tôn trọng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CQĐT theo luật định, tạo mọi điều kiện để CQĐT, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT và ĐTV hoàn thành nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm cho CQĐT, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT và ĐTV hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

3.2.2. Tăng cường sự phối hợp giữa CQĐT và VKS, giữa ĐTV và KSV trong giai đoạn điều tra VAHS

Trong quá trình giải quyết VAHS, có nhiều vụ án giữa CQĐT và VKS không thống nhất về quan điểm trong việc định tội danh, áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn và hướng xử lý bị can; có những vụ án, trong giai đoạn khởi tố, điều tra CQĐT và VKS cùng thống nhất quan điểm phải truy tố trước pháp luật, nhưng khi hồ sơ được chuyển sang, VKS đình chỉ vụ án mà không nêu rõ căn cứ cho CQĐT biết hoặc căn cứ đình chỉ trái ngược hẳn với kết quả điều tra vụ án. Nguyên nhân là do giữa ĐTV và KSV chưa có sự phối hợp cần thiết, nhịp nhàng trong quá trình giải quyết VAHS.

Để khắc phục điều này, cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa ĐTV và KSV trong quá trình giải quyết VAHS cũng như trong hoạt động điều tra cụ thể. Kiểm sát viên không thụ động, chờ CQĐT chuyển hồ sang rồi kiểm sát việc điều tra VAHS qua hồ sơ “*mà phải tích cực tham gia các hoạt động điều tra của ĐTV; ngược lại, ĐTV cũng cần khắc phục tâm lý coi sự có mặt của KSV là “phiên hà, những nhieu”*” [10, tr.72]. Những hoạt động điều tra mà pháp luật TTHS quy định bắt buộc sự có mặt của KSV như: khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi... thì đối với các hoạt động điều tra khác (luật không quy định bắt buộc) như: thực nghiệm điều tra, đối chất, hỏi cung bị can... nếu có điều kiện ĐTV nên chủ động mời KSV cùng tham dự.

Trong quá trình tham gia các hoạt động điều tra, ĐTV và KSV cần tổng hợp, đánh giá chứng cứ để đi đến nhận định thống nhất về hướng điều tra, yêu cầu điều tra tiếp theo. Sự phối hợp giữa ĐTV và KSV đảm bảo cho việc thu thập, đánh giá và củng cố chứng cứ đạt hiệu quả cao, tránh mâu thuẫn, không thống nhất và tránh tình trạng VKS trả hồ sơ vụ án yêu cầu điều tra bổ sung.

Mặt khác, CQĐT và ĐTV cần khắc phục tình trạng coi việc kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ cho VKS là đã hết chức năng, nhiệm vụ của mình, “*mà*

vẫn phải theo dõi nắm bắt việc xử lý, giải quyết VAHS của VKS. Nếu không thống nhất với hướng xử lý của VKS, nhất là việc đình chỉ các vụ án thì CQĐT phải kịp thời kiến nghị lên VKS cấp trên để giải quyết” [10, tr.73] để đảm bảo VAHS được xử lý khách quan, đúng người, đúng tội.

3.2.3. Thực hiện chính sách luân chuyển ĐTV, bố trí đầy đủ số lượng ĐTV tại Cơ quan CSĐT cấp huyện và bổ nhiệm ĐTV cho Trưởng, Phó Trưởng Công an phường

Trên thực tế, trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì tính chất phức tạp về an ninh trật tự không giống nhau. Điều này dẫn tới sự mất cân đối về lưu lượng án hình sự giữa CQĐT trong phạm vi một tỉnh hoặc giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Để giải quyết vấn đề này, cần phải có chính sách điều động tăng cường ĐTV từ những CQĐT ít việc cho CQĐT đang bị quá tải trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong một thời hạn nhất định. Việc tăng cường, luân chuyển ĐTV như vậy sẽ khắc phục được tình trạng án tồn đọng, góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng điều tra giải quyết VAHS.

Riêng tại các quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh cần được ưu tiên tăng cường đội ngũ ĐTV đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng. Biên chế ĐTV trong Cơ quan CSĐT của quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh cần được xác định theo nhu cầu công việc, xuất phát từ tình hình thực tiễn về an ninh, trật tự chứ không phải xác định biên chế theo cơ cấu, tổ chức.

Với mô hình tổ chức Cơ quan CSĐT thành 3 cấp như hiện nay thì ĐTV chỉ có ở cấp huyện trở lên. Công an phường không có chức năng điều tra tội phạm và theo Luật Tổ chức Cơ quan ĐTHS thì Công an phường cũng không phải là Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trong khi đó, Cơ quan CSĐT cấp quận của thành phố trực thuộc Trung ương,

của thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh thường quá tải do tính chất phức tạp về an ninh, trật tự. Vì vậy, để khắc phục tình trạng quá tải cho Cơ quan CSĐT, có thể bổ nhiệm ĐTV cho Trưởng, Phó Trưởng Công an phường khi có đầy đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm ĐTV theo quy định của pháp luật TTHS.

Mỗi phường có thể bổ nhiệm từ một đến hai ĐTV tùy theo tính chất phức tạp về an ninh, trật tự. Về tổ chức, thì đây là những ĐTV thuộc Cơ quan CSĐT cấp quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Về thẩm quyền, những ĐTV này tiến hành điều tra các vụ án thuộc thẩm quyền của Cơ quan CSĐT cấp quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh trong phạm vi phường được giao quản lý. Mô hình này hoàn toàn không mâu thuẫn với tổ chức Cơ quan CSĐT theo Luật Tổ chức Cơ quan ĐTHS năm 2015. Ngược lại, nó góp phần đáng kể trong việc giảm tải, chia sẻ bớt gánh nặng cho Cơ quan CSĐT cấp quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay.

3.2.4. Bảo đảm kinh phí, tăng cường cơ sở vật chất và các trang thiết bị cho CQĐT và ĐTV

Vấn đề bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất, vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho hoạt động điều tra tội phạm nói chung cũng như phương tiện cần thiết cho ĐTV nói riêng rất quan trọng, nhất là trong bối cảnh tình hình tội phạm ngày càng phức tạp, thủ đoạn hoạt động tinh vi, xảo quyệt, manh động, liêu lĩnh như hiện nay và cần được xác định là một yêu cầu quan trọng không thể thiếu trong hoạt động điều tra VAHS.

Thời gian qua, kinh phí, phương tiện và các điều kiện cơ sở vật chất bảo đảm khắc phục vụ cho công tác điều tra tuy đã được cấp phát và trang bị nhưng vẫn còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu cần thiết trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Có những VAHS để điều tra, ĐTV phải đi nhiều tỉnh, thành phố khác nhau để xác minh và ghi lời khai người bị hại, người làm chứng, ...

Nhưng do kinh phí không đủ nên đành làm gấp rút với các trường hợp bắt buộc mà không chú ý khai thác thông tin mở rộng vụ án hoặc buộc phải Ủy thác điều tra nên chất lượng, thời hạn điều tra một số VAHS chưa đảm bảo. Chế độ thanh toán công tác phí cũng rất hạn chế. Có nơi còn áp dụng chế độ “khoán” công tác phí, một năm chỉ được thanh toán công tác phí với một số lượng nhất định, bất kể việc nhiều hay ít, dẫn tới phát sinh tiêu cực, hoặc ĐTV phải chi phí cả tiền lương vào việc điều tra VAHS...

Bộ luật TTHS năm 2015 quy định việc ghi âm, ghi hình hoạt động hỏi cung bị can, nhưng thực tế hiện nay phòng ghi âm, ghi hình và thiết bị ghi âm, ghi hình, lưu trữ kết quả hỏi cung qua ghi âm, ghi hình chưa được cấp phát, trang bị, kinh phí cho hoạt động này còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu.

Điều này đặt ra yêu cầu bức thiết hiện nay là phải tăng cường đầu tư, bổ sung kinh phí cho CQĐT, ĐTV phục vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm. Bên cạnh đó, cần tăng cường đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp Nhà tạm giữ, Trại tạm giam, Kho vật chứng cho CQĐT; cấp phát, mua sắm bổ sung đủ phương tiện, thiết bị làm việc cho ĐTV, đặc biệt là phương tiện, thiết bị khoa học kỹ thuật để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác điều tra giải quyết VAHS.

3.2.5. Đổi mới, nâng cao chất lượng quản lý, sử dụng ĐTV cũng như có chế độ, chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với họ

Hiệu quả của hoạt động điều tra giải quyết VAHS phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng công tác quản lý, sử dụng ĐTV cũng như chế độ, chính sách đãi ngộ, động viên họ trong điều tra giải quyết VAHS.

Theo đó, cần giáo dục, nâng cao nhận thức cho ĐTV về ý thức, trách nhiệm nghề nghiệp và vai trò của họ, tạo sự độc lập cần thiết cho ĐTV trong hoạt động thực tiễn; “đào tạo lại đối với Điều tra viên trong quá trình quản lý, sử dụng là những yếu tố giúp cho Điều tra viên có những sáng tạo nghệ

nghiệp trong khuôn khổ pháp luật cũng như duy trì tốt nhất khả năng hoạt động thực tiễn” [19].

Quản lý, sử dụng ĐTV không thể thiếu yếu tố bảo đảm và động viên, khích lệ tinh thần, sự tâm huyết với nghề nghiệp; do đó yêu cầu đảm bảo một chế độ đãi ngộ phù hợp với ĐTV là rất cần thiết. Thực tiễn cho thấy ĐTHS là hoạt động rất đặc thù, đòi hỏi những nỗ lực cao cả về trí lực, thể lực của ĐTV. Để bù đắp lại, cần phải có sự quan tâm thoả đáng giúp ĐTV tái tạo lại sức lực và trí tuệ đã bỏ ra, duy trì được cường độ và khả năng làm việc; sự quan tâm này sẽ giúp ĐTV có bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ nghị lực vượt qua những thử thách mà mặt trái của kinh tế thị trường cũng như sự móc nối, mua chuộc của đối tượng phạm tội tác động trong quá trình điều tra VAHS.

Hiện nay, chính sách đãi ngộ đối với ĐTV chưa thỏa đáng và tương xứng với nhiệm vụ, trách nhiệm được giao. Mặc dù pháp luật TTHS đòi hỏi trách nhiệm rất cao của ĐTV, môi trường hoạt động của ĐTV hết sức phức tạp, liên tục phải đối mặt với sự mua chuộc, cám dỗ của lợi ích vật chất, thậm chí hy sinh cả tính mạng. Nhưng ĐTV chưa có chính sách đãi ngộ tương xứng, ĐTV trong CQĐT thuộc CAND chỉ được phụ cấp đặc thù 15% theo Quyết định số 91/2009/QĐ-TTg ngày 06/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, chiến sỹ trong CAND và theo Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BCA-BNV-BTC ngày 23/6/2010 của Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 91/2009/QĐ-TTg ngày 06/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ thì mức phụ cấp này thấp hơn so với cán bộ, trinh sát phòng, chống tội phạm (họ được hưởng phụ cấp 20%).

Ngoài việc phải chịu trách nhiệm hình sự mà pháp luật TTHS quy định, ĐTV còn phải chịu trách nhiệm vật chất, có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do lỗi của cá nhân gây ra oan, sai trong quá trình điều tra giải quyết VAHS. Vì

vậy, “cùng với việc đề cao trách nhiệm cá nhân của ĐTV trong TTHS thì cũng phải có chế độ, chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với ĐTV để ĐTV không bị sa ngã trước sự mua chuộc, cám dỗ bằng lợi ích vật chất” [10, tr.77] và tác động bởi mặt trái của nền kinh tế thị trường.

3.2.6. Xây dựng cơ chế bảo đảm sự độc lập, chỉ tuân theo pháp luật của ĐTV trong giải quyết VAHS

Hoạt động của ĐTV trong giải quyết VAHS đòi hỏi phải độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Mặc dù đã được bổ sung, sửa đổi theo chủ trương cải cách tư pháp nói chung, nhưng ĐTV vẫn phải chịu sự quản lý hành chính và sự chi phối đáng kể của Thủ trưởng cơ quan hành chính. Trong CAND hoạt động của CQĐT được vận hành chủ yếu theo cơ chế của lực lượng vũ trang (mệnh lệnh, chỉ huy theo nguyên tắc cấp dưới phục tùng cấp trên). Mặc dù pháp luật không quy định, nhưng trên thực tế, ĐTV của CQĐT trong CAND vẫn phải báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng quản lý hành chính nên trong nhiều vụ án có sai phạm, tiêu cực thường khó kết luận, phải tách ra để giải quyết sau, nhưng chưa được xử lý nghiêm minh triệt để. Đặc biệt có không ít vụ án, mặc dù đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, đáng bị khởi tố và xử lý trước pháp luật nhưng chỉ bị xử lý kỷ luật theo quy định của ngành, gây bất bình, dư luận xấu trong nhân dân và tổn hại nghiêm trọng đến uy tín của ĐTV và CQĐT trong CAND. Trên thực tế rất ít Thủ trưởng CQĐT và ĐTV dám “trái ý” Thủ trưởng quản lý hành chính cấp trên. Ngay thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm Thủ trưởng CQĐT và ĐTV cũng đã bao hàm tính phụ thuộc của Thủ trưởng CQĐT và ĐTV vào cơ quan quản lý họ. Do đó, nếu có tăng thẩm quyền cho ĐTV “nhưng trong bối cảnh chưa thay đổi được quan niệm, cơ cấu tổ chức, chưa phân định rạch ròi ranh giới giữa tổ tụng hình sự và hành chính... thì các quy định ấy cũng dễ dàng bị triệt tiêu bằng lý do này hoặc lý do khác” [10, tr.69].

Vì vậy, phải giảm bớt các mối liên quan, ràng buộc về quản lý hành chính Nhà nước, có cơ chế rõ ràng và hiệu quả đảm bảo sự độc lập, chỉ tuân theo pháp luật của ĐTV, cũng như của CQĐT. Đây là điều kiện quan trọng để ĐTV và CQĐT hoàn thành nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật.

3.2.7. Nâng cao chất lượng, trình độ đội ngũ Điều tra viên, tuyển chọn đúng người để đào tạo Điều tra viên

Hiện nay, trong hệ thống đào tạo của Nhà nước ta có bốn cơ sở đào tạo đều thuộc Bộ Công an đào tạo nghề ĐTHS (nghề ĐTV), đó là: Học viện An ninh nhân dân, Học viện Cảnh sát nhân dân, Đại học An ninh nhân dân, Đại học Cảnh sát nhân dân. Như vậy, một thực tế mặc nhiên là đào tạo nghề ĐTV do Bộ Công an đảm nhiệm. Hằng năm, các cơ sở đào tạo nêu trên của Bộ Công an ngoài đào tạo cán bộ điều tra cho ngành Công an, còn đào tạo cán bộ điều tra cho các CQĐT của Bộ Quốc phòng, VKS nhân dân tối cao.

Do đó, nên tuyển chọn học viên có điểm thi đại học (hệ đào tạo tập trung) cao nhất để đào tạo nghề ĐTHS (đào tạo ĐTV). Sự tuyển chọn này sẽ phản ánh khá chính xác về chỉ số nhận thức của học viên, cơ sở quan trọng hàng đầu cho việc học tập và thi tuyển, bổ nhiệm ĐTV sau này.

Tuy nhiên, hoạt động điều tra tội phạm có tính đặc thù rất cao, đòi hỏi ĐTV phải là người hội tụ đủ tiêu chuẩn để đáp ứng các yêu cầu của công tác điều tra giải quyết VAHS. Nên việc tuyển chọn học viên cho hệ điều tra tội phạm trong các cơ sở đào tạo nêu trên cần xác định năng khiếu nghề là rất quan trọng. Do đó, cần xây dựng quy trình tuyển chọn phù hợp, thể hiện rõ tính “nghề” ngay từ bước mở đầu này.

Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu điều tra giải quyết VAHS, nâng cao hiệu quả hoạt động của ĐTV trong TTTHS thì vấn đề quan trọng là phải quan tâm công tác bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ ĐTV hiện nay. Vì điều tra VAHS là một nghề phức tạp nên phải được đào tạo chuyên ngành, chuyên sâu. Do đó

cần nâng cao hơn nữa trình độ đội ngũ ĐTV, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và thực tiễn đặt ra, đặc biệt là đối với Cơ quan CSĐT cấp huyện.

Để đáp ứng được yêu cầu, tình hình công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay, phải chú ý bồi dưỡng cho ĐTV kiến thức về quản lý kinh tế, đất đai, tài chính kế toán, ngân hàng, chứng khoán, tin học, ngoại ngữ... để ĐTV có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ điều tra giải quyết VAHS trong điều kiện hội nhập quốc tế. Thường xuyên bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ điều tra theo định kỳ khoảng 2 năm 1 lần hoặc tổ chức bồi dưỡng theo chuyên đề như: chuyên đề bắt, tạm giữ, tạm giam; chuyên đề khám nghiệm hiện trường; chuyên đề với tội phạm có tổ chức... vì thời hạn, nhiệm kỳ công tác của ĐTV trong CQĐT dài, nếu không kịp thời cung cấp kiến thức mới thì ĐTV sẽ lạc hậu, không đáp ứng với thực tiễn mới của công tác điều tra giải quyết VAHS, theo Luật Tổ chức Cơ quan ĐTHS: *“ĐTV được bổ nhiệm lần đầu có thời hạn là 05 năm; trường hợp được bổ nhiệm lại hoặc nâng ngạch thì thời hạn là 10 năm”* [42, Điều 51, tr.63]. Đồng thời phải thường xuyên mở các đợt thi tay nghề đánh giá trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của ĐTV. Kết quả thi sẽ là cơ sở đề xuất việc bổ nhiệm lại, bổ nhiệm nâng bậc hoặc miễn nhiệm Điều tra viên.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện hiện nay, nước ta đang tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, tiến hành cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Chức năng của CQĐT ngày càng mở rộng, nhiệm vụ của CQĐT ngày càng nhiều hơn; mặt khác, trong Nghị quyết 49/NQ-TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đã chỉ rõ: “*xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*” [8, tr.2] nhằm tạo sự chuyển biến mang tính đột phá trong cuộc đấu tranh bảo vệ công lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

Bên cạnh đó, tội phạm, vi phạm pháp luật xảy ra ngày càng tăng hơn về số lượng, tính chất ngày càng nguy hiểm, phức tạp, hoạt động ngày càng tinh vi, xảo quyệt hơn. Vì vậy yêu cầu trong công tác điều tra VAHS đặt ra ngày càng cao hơn đối với đội ngũ ĐTV, đặc biệt là ĐTV của CQĐT thuộc CAND. Họ không chỉ nâng cao về kiến thức pháp luật, nghiệp vụ điều tra mà còn nâng cao kiến thức khác về khoa học kỹ thuật, tin học, ngoại ngữ và cả phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, tác phong nghề nghiệp.

Trước những yêu cầu trên, thì việc nâng cao vai trò, địa vị pháp lý của ĐTV trong CQĐT thuộc CAND trong điều tra giải quyết VAHS là yêu cầu khách quan, là điều kiện tiên đề, là giải pháp quan trọng để thực hiện chủ trương cải cách tư pháp nói chung và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra giải quyết VAHS nói riêng. Đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của Đảng, Nhà nước và nhân dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ công lý, quyền con người. Đây là một vấn đề lớn và là một quá trình lâu dài, vì vậy cần phải được tiếp tục nghiên cứu và có giải pháp cụ thể, lộ trình, bước đi thích hợp, phù hợp với điều kiện của từng giai đoạn của quá trình cải cách tư pháp và thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

DANH MỤC
CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Nguyễn Hồng Quân, Lương Tuấn Anh (2016), “Những quy định mới về chế định Điều tra viên trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015”, *Tạp chí Khoa học & Giáo dục an ninh*, (13), tr.52-58.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương (2014), *Báo cáo tổng kết 8 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
2. Bộ Công an (2006), *Thông tư số 01/2006/TT-BCA(C11) hướng dẫn thực hiện Điều 35 Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Điều tra viên*, Hà Nội.
3. Bộ Công an (2014), *Thông tư số 28/2014/TT-BCA, ngày 07/7/2014 quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân*, Hà Nội.
4. Bộ Công an (2004), *Quyết định số 1252/2004/QĐ-BCA(X13) ngày 05/11/2004 Quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và cấp, thu hồi Giấy chứng nhận Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên trong Công an nhân dân*, Hà Nội.
5. Bộ Công an (2004), *Quyết định số 596/2005/QĐ-BCA(X13) ngày 19/5/2005 ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ Điều tra viên cao cấp, Điều tra viên trung cấp, Điều tra viên sơ cấp trong lực lượng Công an nhân dân*, Hà Nội.
6. Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính (2010), *Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BCA-BNV-BTC ngày 23/6/2010 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 91/2009/QĐ-TTg ngày 06/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ*, Hà Nội.
7. Bộ Công an, Bộ Quốc Phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02/8/2013 hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố*, Hà Nội.
8. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

9. Bộ Chính trị (2014), *Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị (khóa X) về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
10. Nguyễn Thái Bình (2005), *Điều tra viên và Thủ trưởng cơ quan điều tra theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Trường đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
11. Công an tỉnh Hưng Yên (2011), *Báo cáo tổng kết công tác Công an năm 2011*, Hưng Yên.
12. Công an tỉnh Hưng Yên (2012), *Báo cáo tổng kết công tác Công an năm 2012*, Hưng Yên.
13. Công an tỉnh Hưng Yên (2013), *Báo cáo tổng kết công tác Công an năm 2013*, Hưng Yên.
14. Công an tỉnh Hưng Yên (2014), *Báo cáo tổng kết công tác Công an năm 2014*, Hưng Yên.
15. Công an tỉnh Hưng Yên (2015), *Báo cáo tổng kết công tác Công an năm 2015*, Hưng Yên.
16. Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Hưng Yên (2010 - 2015), *Hồ sơ, tài liệu một số vụ án từ năm 2010 đến năm 2015*, Hưng Yên.
17. Nguyễn Ngọc Chí (2014), “Tổ chức và hoạt động điều tra vụ án hình sự của Viện kiểm sát/Việc công tố ở một số nước trên thế giới - Những kinh nghiệm rút ra đối với việc đổi mới Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, 30 (01), tr. 1-12.
18. Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên) (2014), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
19. Trần Vi Dân (2015), “Một số vấn đề về đào tạo điều tra viên trong tình hình hiện nay”, *Tạp chí Công an nhân dân*, (02).
20. Bùi Kiên Điện (2007), “Quá trình hoàn thiện pháp luật về hoạt động điều tra hình sự”, *Tạp chí Luật học*, (02), tr.14-21.

21. Nguyễn Duy Giảng (2013), “Một số đề xuất hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về Cơ quan điều tra và những người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan điều tra”, *Tạp chí Kiểm sát*, (05), tr 46-50.
22. Đường Minh Giới (2013), *Sổ tay điều tra viên (cẩm nang pháp luật)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
23. Nguyễn Việt Hà (2014), “Nâng cao hiệu quả hoạt động của Điều tra viên đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp”, *Tạp chí khoa học và chiến lược*, (10), tr 71-74.
24. Học viện Cảnh sát nhân dân (2006), *Giáo trình Chiến thuật điều tra hình sự*, Hà Nội.
25. Trần Quốc Hùng (2013), “Nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng Điều tra viên”, *Tạp chí Công an nhân dân*, (03), tr. 71-74.
26. Vương Văn Hùng (2015), “Trao đổi một số ý kiến về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh Điều tra viên trong điều tra vụ án hình sự”, *Tạp chí Công an nhân dân*, (06), tr. 85-88.
27. Nguyễn Ngọc Kiện, Lê Gia Phúc (2014), “Bàn về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên trong Bộ luật tố tụng hình sự”, *Tạp chí Kiểm sát*, (05), tr.37-41.
28. Phạm Đình Khanh (2012), “Thực trạng đội ngũ Điều tra viên của cơ quan Cảnh sát điều tra ở nước ta hiện nay - một số kiến nghị”, *Tạp chí Công an nhân dân*, (08), tr. 89-92.
29. Bùi Văn Minh (2002), *Vai trò của Điều tra viên trong điều tra vụ án hình sự*, Luận văn thạc sỹ luật học, Trường đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
30. Đỗ Ngọc Quang (2003), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam (dùng cho hệ đào tạo sau đại học)*, Học Viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
31. Quốc hội (1946), *Sắc lệnh số 51 về Thẩm quyền các tòa án và sự phân công giữa các nhân viên ngày 17/4/1946*, Hà Nội.
32. Quốc hội (1946), *Sắc lệnh số 131 về Tổ chức tư pháp Công an ban hành ngày 20/7/1946*, Hà Nội.

33. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Quốc hội (2016), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Quốc hội (2000), *Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1988*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Quốc hội (2012), *Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Quốc hội (2016), *Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Quốc hội (2009), *Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 được sửa đổi, bổ sung năm 2006, năm 2009*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Quốc hội (1960), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1960*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Quốc hội (1981), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1981*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Quốc hội (2016), *Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Quốc hội (2002), *Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 1989*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Tổng cục Cảnh sát - Bộ Công an (2015), *Tài liệu bồi dưỡng cán bộ Cảnh sát điều tra*, Hà Nội.
45. Trịnh Văn Thanh (2015), “Đào tạo, bồi dưỡng đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ làm công tác điều tra đáp ứng yêu cầu hoạt động tư pháp trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Cảnh sát nhân dân (canhsatnhandan.vn)*.

46. Trần Mạnh Tường (2012), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
47. Phùng Như Thịnh (2000), *Địa vị pháp lý của Điều tra viên trong tố tụng hình sự nước ta*, Luận văn thạc sỹ luật học, Trường đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
48. Nguyễn Đức Thuận (2000), “Một vài suy nghĩ về định hướng đào tạo và bồi dưỡng điều tra viên trong thời gian tới”, *Tạp chí Luật học*, (05), tr.45-49.
49. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 91/2009/QĐ-TTg ngày 06/7/2009 quy định chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, chiến sỹ trong Công an nhân dân*, Hà Nội.
50. Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
51. Viện Chiến lược và Khoa học Công an - Bộ Công an (2005), *Từ điển Bách khoa Công an nhân dân Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
52. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Bộ luật tố tụng hình sự của Đức (bản dịch)*, Hà Nội.
53. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Bộ luật tố tụng hình sự của Cộng hòa Pháp (bản dịch)*, Hà Nội.
54. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Bộ luật tố tụng hình sự của Nga (bản dịch)*, Hà Nội.
55. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Bộ luật tố tụng hình sự của Nhật Bản (bản dịch)*, Hà Nội.
56. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Bộ luật tố tụng hình sự của Trung Quốc (bản dịch)*, Hà Nội.
57. Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Công an (1963), *Thông tư số 427/TTLB ngày 28/6/1963 quy định tạm thời một số nguyên tắc về quan hệ công tác giữa hai ngành*, Hà Nội.